VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2019/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm các thành phố và huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã thể hiện ghi chú trong ngoặc đơn để phân biệt địa danh.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Vĩnh Yên	
2	Thành phố Phúc Yên	
3	Huyện Bình Xuyên	
4	Huyện Lập Thạch	
5	Huyện Sông Lô	
6	Huyện Tam Dương	
7	Huyện Tam Đảo	
8	Huyện Vĩnh Tường	
9	Huyện Yên Lạc	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố An Định	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 17"	105° 36' 13"					F-48-68-A-c
tổ dân phố An Sơn	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 22"	105° 36' 19"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Dinh	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 16"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đầm Vạc	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 17"	105° 35' 56"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Gẩu	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 25"	105° 36' 01"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Mê Linh	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 48"	105° 36' 00"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Mới	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 10"	105° 35' 33"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Nguyễn Viết Xuân	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 35"	105° 35' 56"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Sậu	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 12"	105° 36' 00"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Sơn Cao	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 29"	105° 35' 52"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tô Hiệu	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 15"	105° 35' 30"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trần Quốc Tuấn	DC	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 21"	105° 35' 50"					F-48-68-A-c
đường Mê Linh	KX	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 18' 16"	105° 37' 20"	F-48-68-A-c
ga Vĩnh Yên	KX	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 37"	105° 36' 00"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Đầm Vạc	TV	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 56"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đầm Vậy	TV	P. Đống Đa	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 20"	105° 36' 01"					F-48-68-A-c
Tổ dân phố 1	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 22"	105° 34' 15"					F-48-68-A-c
Tổ dân phố 2	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 20"	105° 33' 50"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 33"	105° 34' 12"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Cường 1	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 29"	105° 34' 07"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Cường 2	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 28"	105° 34' 15"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Hòa 1	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 55"	105° 34' 01"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Hòa 2	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 11"	105° 33' 53"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Hợp	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 40"	105° 35' 08"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Hưng	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 17"	105° 34' 28"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Nghĩa	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 48"	105° 34' 14"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Nhân	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 42"	105° 34' 17"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Phú 1	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 30"	105° 34' 21"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Phú 2	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 12"	105° 34' 12"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Quý	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 19"	105° 34' 09"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Thành	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 53"	105° 34' 37"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Thịnh	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 29"	105° 33' 52"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Lạc Ý 1	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 01"	105° 35' 29"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lạc Ý 2	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 08"	105° 35' 33"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lạc Ý 3	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 11"	105° 35' 17"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lai Sơn	DC	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 14"	105° 34' 11"					F-48-68-A-c
Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Vĩnh Phúc	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 20"	105° 35' 23"					F-48-68-A-c
Bệnh viện Quân y 109	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 09"	105° 34' 38"					F-48-68-A-c
Cầu Oai	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 26"	105° 34' 27"					F-48-68-A-c
đình Đông Đạo	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 32"	105° 34' 11"					F-48-68-A-c
đình Lạc Ý	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 06"	105° 35' 17"					F-48-68-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 33"	105° 35' 29"	21° 17' 41"	105° 33' 05"	F-48-68-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 25"	105° 34' 13"	21° 18' 53"	105° 34' 08"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305B	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 16' 13"	105° 34' 21"	21° 15' 45"	105° 39' 11"	F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	KX	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 31"	105° 34' 54"					F-48-68-A-c
Đồi Son	SV	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 05"	105° 33' 45"					F-48-68-A-c
Đầm Vạc	TV	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 56"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c
kênh Bến Tre	TV	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 16"	105° 34' 44"	21° 21' 47"	105° 32' 09"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	P. Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
tổ dân phố An Phú	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 36"	105° 33' 06"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lẻ 1	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 43"	105° 33' 43"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lẻ 2	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 37"	105° 33' 47"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Quán Tiên	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 00"	105° 33' 29"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tiên Sơn	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 06"	105° 33' 45"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trà 1	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 29"	105° 33' 21"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trà 2	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 32"	105° 33' 16"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Cả	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 41"	105° 33' 28"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Hốp	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 52"	105° 33' 47"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Nguôi	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 50"	105° 33' 57"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Núi	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 58"	105° 34' 06"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Yên	DC	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 05"	105° 33' 53"					F-48-68-A-c
Công ty cổ phần Viglacera Hợp Thịnh	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 44"	105° 34' 10"					F-48-68-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 33"	105° 35' 29"	21° 17' 41"	105° 33' 05"	F-48-68-A-c
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 19"	105° 33' 18"	21° 16' 54"	105° 34' 17"	F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 306	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc	KX	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 13"	105° 33' 35"					F-48-68-A-c
Kênh 2	TV	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	P. Hội Hợp	TP. Vĩnh Yên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
tổ dân phố Đình Ấm	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 09"	105° 37' 26"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đôn Hậu	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 50"	105° 37' 27"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Gốc Đề	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 40"	105° 36' 48"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hán Lữ	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 16"	105° 37' 08"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Mậu Lâm	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 59"	105° 37' 10"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Mậu Thông	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 59"	105° 37' 32"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Minh Quyết	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 06"	105° 37' 29"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Thanh Giã 1	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 49"	105° 36' 55"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Thanh Giã 2	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 56"	105° 36' 52"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trại Giao	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 32"	105° 36' 59"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vinh Thịnh Đông	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 30"	105° 37' 27"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vinh Thịnh Tây	DC	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 22"	105° 36' 54"					F-48-68-A-c
Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Vĩnh Phúc	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 26"	105° 36' 57"					F-48-68-A-c
Chùa Phú	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 00"	105° 37' 24"					F-48-68-A-c
đường Mê Linh	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 18' 16"	105° 37' 20"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 302C	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên			21° 19' 31"	105° 36' 54"	21° 20' 37"	105° 38' 37"	F-48-68-A-c
Khu công nghiệp Khai Quang	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 28"	105° 37' 48"					F-48-68-A-d
Quốc lộ 2	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc	KX	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 35"	105° 36' 54"					F-48-68-A-c
Núi Nia	SV	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 16"	105° 38' 05"					F-48-68-A-d
Núi Trống	SV	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 41"	105° 38' 02"					F-48-68-A-d
Đầm Vạc	TV	P. Khai Quang	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 56"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c
Tổ dân phố 18	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 13"	105° 36' 00"					F-48-68-A-c
tổ dân phố An Lập	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 02"	105° 35' 39"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Bảo Linh	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 51"	105° 36' 18"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Bà Triệu	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 56"	105° 35' 52"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Chợ Tổng	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 56"	105° 36' 26"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Chùa Láp	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 55"	105° 35' 36"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đình Láp	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 08"	105° 35' 51"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Bảo Sơn	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 48"	105° 36' 29"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Bàu	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 36"	105° 36' 07"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Gò Dung	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 56"	105° 36' 20"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Láp Dưới	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 56"	105° 35' 49"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Láp Trại	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 02"	105° 35' 32"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Làng Láp Trên	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 08"	105° 35' 39"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Làng Trại Thủy	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 11"	105° 36' 43"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Mê Linh	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 53"	105° 35' 56"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Nguyễn Trãi	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 52"	105° 36' 11"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Phố Láp	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 50"	105° 35' 46"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trần Phú	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 02"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Xuân Mai	DC	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 14"	105° 35' 46"					F-48-68-A-c
đường Mê Linh	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 18' 16"	105° 37' 20"	F-48-68-A-c
đường Trần Phú	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên			21° 19' 59"	105° 35' 59"	21° 18' 52"	105° 35' 41"	F-48-68-A-c
Học viện Kỹ thuật Quân sự - Cơ sở 2	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 03"	105° 36' 02"					F-48-68-A-c
Khu văn miếu tỉnh Vĩnh Phúc	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 48"	105° 36' 04"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2B	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Việt Đức	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 25"	105° 36' 09"					F-48-68-A-c
Trường Quân sự Quân khu 2	KX	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 10"	105° 36' 28"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Bàu	SV	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 38"	105° 36' 23"					F-48-68-A-c
hồ Bảo Sơn	TV	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 43"	105° 36' 17"					F-48-68-A-c
Hồ Láp	TV	P. Liên Bảo	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 47"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Chiền	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 41"	105° 35' 42"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lê Xoay	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 34"	105° 35' 45"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lý Tự Trọng	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 22"	105° 35' 38"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Ngô Quyền	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 32"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Nguyễn Thái Học	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 40"	105° 35' 46"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Nguyễn Viết Xuân	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 44"	105° 35' 41"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tân Đình	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 26"	105° 35' 47"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tân Lập	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 33"	105° 35' 37"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tân Phúc	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 31"	105° 35' 45"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trần Quốc Toản	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 27"	105° 35' 36"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trần Quốc Tuấn	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 24"	105° 35' 43"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Tân	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 30"	105° 35' 39"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Vĩnh Thành	DC	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 37"	105° 35' 41"					F-48-68-A-c
cầu Cống Tỉnh	KX	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 34"	105° 35' 25"					F-48-68-A-c
Di tích lịch sử văn hóa Giếng Mắt Rồng	KX	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 23"	105° 35' 32"					F-48-68-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 33"	105° 35' 29"	21° 17' 41"	105° 33' 05"	F-48-68-A-c
đường Kim Ngọc	KX	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 33"	105° 35' 29"	21° 18' 52"	105° 35' 41"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Ngô Quyền	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
tổ dân phố Đắc Thú	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 27"	105° 35' 03"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đồng Khâu	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 50"	105° 35' 17"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Khâu 2	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 41"	105° 35' 18"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Lam Sơn	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 20"	105° 34' 55"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Tân Tiến	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 23"	105° 34' 45"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Ninh	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 43"	105° 34' 59"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Thịnh 1	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 39"	105° 35' 09"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Thịnh 2	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 31"	105° 34' 58"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Thịnh 3	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 30"	105° 34' 47"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vĩnh Thịnh 4	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 26"	105° 34' 33"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Vĩnh Thịnh 5	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 29"	105° 34' 32"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Xóm Gạch	DC	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 25"	105° 35' 11"					F-48-68-A-c
cầu Cống Tỉnh	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 34"	105° 35' 25"					F-48-68-A-c
Cầu Oai	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 26"	105° 34' 27"					F-48-68-A-c
Cầu Trắng	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 01"	105° 34' 45"					F-48-68-A-c
chùa Tích Sơn	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 42"	105° 35' 12"					F-48-68-A-c
đường Hùng Vương	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 33"	105° 35' 29"	21° 17' 41"	105° 33' 05"	F-48-68-A-c
Đoàn An Dưỡng 18	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 04"	105° 34' 59"					F-48-68-A-c
Miếu Khâu	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 44"	105° 35' 15"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
đầm Bờ Phác	TV	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 20"	105° 34' 59"					F-48-68-A-c
Đầm Vạc	TV	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 56"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c
hồ Dộc Mở	TV	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 07"	105° 34' 46"					F-48-68-A-c
kênh Bến Tre	TV	P. Tích Sơn	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 16"	105° 34' 44"	21° 21' 47"	105° 32' 09"	F-48-68-A-c
khu phố Chùa Hà - Địa Chất	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 44"	105° 35' 45"					F-48-68-A-c
Thôn Chám	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 43"	105° 34' 40"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Chùa	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 30"	105° 34' 59"					F-48-68-A-c
Thôn Dẫu	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 55"	105° 34' 44"					F-48-68-A-c
Thôn Đậu	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 18' 59"	105° 34' 56"					F-48-68-A-c
thôn Gẩy - Cầu Bút	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 44"	105° 35' 22"					F-48-68-A-c
thôn Gia Viễn	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 37"	105° 35' 37"					F-48-68-A-c
Thôn Gò	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 11"	105° 34' 33"					F-48-68-A-c
Thôn Nọi	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 34"	105° 34' 42"					F-48-68-A-c
Thôn Sứ	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 44"	105° 35' 01"					F-48-68-A-c
Thôn Tấm	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 20' 35"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
thôn Trung Thành	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 23"	105° 35' 27"					F-48-68-A-c
Thôn Vẽn	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 30"	105° 35' 39"					F-48-68-A-c
Thôn Vèo	DC	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 23"	105° 35' 08"					F-48-68-A-c
Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vĩnh Phúc	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 20' 26"	105° 35' 26"					F-48-68-A-c
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Vĩnh Phúc	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 15"	105° 35' 19"					F-48-68-A-c
Chùa Hà	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 19' 39"	105° 35' 47"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Phú	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên			21° 19' 59"	105° 35' 59"	21° 18' 52"	105° 35' 41"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2B	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-c
Trường Quân Sự tỉnh Vĩnh Phúc	KX	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên	21° 20' 14"	105° 35' 52"					F-48-68-A-c
kênh Bến Tre	TV	xã Định Trung	TP. Vĩnh Yên			21° 18' 16"	105° 34' 44"	21° 21' 47"	105° 32' 09"	F-48-68-A-c
Thôn Đoài	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 04"	105° 36' 27"					F-48-68-A-c
Thôn Đông	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 07"	105° 36' 39"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Sắn	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 16' 56"	105° 36' 32"					F-48-68-A-c
Thôn Nam	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 16' 50"	105° 36' 23"					F-48-68-A-c
Thôn Rừng	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 02"	105° 36' 14"					F-48-68-A-c
thôn Vinh Quang	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 42"	105° 35' 53"					F-48-68-A-c
thôn Vị Trù	DC	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 05"	105° 36' 55"					F-48-68-A-c
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên			21° 17' 04"	105° 37' 35"	21° 16' 49"	105° 35' 33"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305B	KX	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên			21° 16' 13"	105° 34' 21"	21° 15' 45"	105° 39' 11"	F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Đền Bà	KX	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 50"	105° 35' 42"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sân gôn Đầm Vạc	KX	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 32"	105° 36' 36"					F-48-68-A-c
Đầm Vạc	TV	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên	21° 17' 56"	105° 35' 48"					F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Thanh Trù	TP. Vĩnh Yên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
tổ dân phố Bảo An	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 21"	105° 43' 48"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đồng Quỳ 1	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 58"	105° 44' 14"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đồng Quỳ 2	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 44"	105° 44' 26"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 1	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 16' 39"	105° 43' 40"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 2	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 16' 43"	105° 43' 51"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 3	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 16' 48"	105° 43' 46"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 4	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 16' 50"	105° 43' 55"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 00"	105° 43' 53"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 6	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 10"	105° 43' 55"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 7	DC	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 18' 14"	105° 43' 16"					F-48-68-A-d
đường Trường Chinh	KX	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên			21° 16' 28"	105° 43' 23"	21° 18' 35"	105° 43' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 301	KX	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
Trường Trung cấp Nghề và Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ - Vinaconex	KX	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 16' 55"	105° 43' 56"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dãy núi Thằn Lằn	SV	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên	21° 17' 41"	105° 43' 22"					F-48-68-A-d
sông Đại Lạn	TV	P. Đồng Xuân	TP. Phúc Yên			21° 18' 06"	105° 45' 19"	21° 15' 48"	105° 43' 19"	F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 1	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 14' 01"	105° 42' 27"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 2	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 54"	105° 42' 23"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 3	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 53"	105° 42' 13"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 4	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 14' 01"	105° 42' 16"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 5	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 14' 00"	105° 42' 10"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 6	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 57"	105° 42' 06"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 7	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 54"	105° 41' 58"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 8	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 57"	105° 42' 27"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 9	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 14' 01"	105° 42' 33"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 10	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 47"	105° 42' 20"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 11	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 43"	105° 42' 14"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 12	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 45"	105° 42' 10"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 13	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 41"	105° 42' 08"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 14	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 31"	105° 42' 20"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 15	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 27"	105° 42' 09"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 16	DC	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 19"	105° 42' 02"					F-48-68-C-b
Bệnh viện 74 Trung Ương	KX	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên	21° 13' 22"	105° 42' 29"					F-48-68-C-b
đường Hai Bà Trưng	KX	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên			21° 13' 55"	105° 41' 29"	21° 14' 28"	105° 44' 03"	F-48-68-C-b
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên			21° 13' 20"	105° 41' 59"	21° 13' 14"	105° 42' 02"	F-48-68-C-b
Quốc lộ 2	KX	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-C-b
Quốc lộ 23	KX	P. Hùng Vương	TP. Phúc Yên			21° 13' 55"	105° 41' 29"	21° 13' 14"	105° 42' 02"	F-48-68-C-b
tổ dân phố Cả Đoài	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 57"	105° 42' 32"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cả Đông	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 42"	105° 42' 47"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cẩm Đoài	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 57"	105° 42' 46"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cẩm Đông	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 50"	105° 42' 44"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đồng Cờ	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 16' 00"	105° 42' 13"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Minh Đức	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 55"	105° 42' 53"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Nam Viêm	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 16' 00"	105° 41' 50"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Tân Tiến	DC	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 16' 08"	105° 42' 39"					F-48-68-A-d
cầu Khả Do	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 40"	105° 42' 54"					F-48-68-A-d
chùa Bảo Sơn	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 54"	105° 42' 34"					F-48-68-A-d
đình Khả Do	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 15' 52"	105° 42' 39"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 14' 23"	105° 43' 29"	21° 19' 33"	105° 39' 25"	F-48-68-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 16' 28"	105° 43' 23"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 301	KX	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
Đầm Láng	TV	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên	21° 16' 39"	105° 41' 30"					F-48-68-A-d
sông Ba Hanh	TV	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
sông Cà Lồ	TV	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 15' 29"	105° 41' 06"	21° 14' 03"	105° 43' 58"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
sông Đại Lạn	TV	P. Nam Viêm	TP. Phúc Yên			21° 18' 06"	105° 45' 19"	21° 15' 48"	105° 43' 19"	F-48-68-A-d
tổ dân phố Đại Phùng	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 58"	105° 43' 31"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Bến	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 23"	105° 43' 16"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Đức	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 15' 10"	105° 42' 47"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Xuân Mai 1	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 21"	105° 43' 35"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Mai 2	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 11"	105° 43' 38"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Mai 3	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 17"	105° 43' 28"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Mới	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 13' 39"	105° 42' 56"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Xuân Phương 1	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 32"	105° 42' 50"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Phương 2	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 29"	105° 42' 58"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Phương 3	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 27"	105° 43' 08"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Thượng 1	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 12"	105° 42' 59"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Thượng 2	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 18"	105° 42' 53"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Xuân Yên	DC	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 19"	105° 42' 45"					F-48-68-C-b
cầu Xuân Phương	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 28"	105° 44' 04"					F-48-68-C-b
Công ty Honda Việt Nam	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 09"	105° 43' 14"					F-48-68-C-b
Công ty Toyota Việt Nam	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 13' 52"	105° 42' 45"					F-48-68-C-b
đền Ngô Tướng Công	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên	21° 14' 11"	105° 43' 35"					F-48-68-C-b
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 13' 55"	105° 41' 29"	21° 14' 28"	105° 44' 03"	F-48-68-C-b
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 14' 23"	105° 43' 29"	21° 19' 33"	105° 39' 25"	F-48-68-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 16' 28"	105° 43' 23"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
Đường tỉnh 301	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 2	KX	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-C-b
sông Cà Lồ	TV	P. Phúc Thắng	TP. Phúc Yên			21° 15' 29"	105° 41' 06"	21° 14' 03"	105° 43' 58"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
tổ dân phố 2 Đạm Nội	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 42"	105° 41' 23"					F-48-68-C-b
tổ dân phố 3 Đạm Nội	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 48"	105° 41' 22"					F-48-68-C-b
tổ dân phố 4 Đạm Nội	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 55"	105° 41' 04"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Đại Lợi	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 15' 27"	105° 41' 16"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đạm Xuyên	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 14' 31"	105° 41' 26"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Kim Tràng	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 14' 41"	105° 40' 48"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Phú Thứ	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 19"	105° 41' 49"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Tân Lợi	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 15' 41"	105° 41' 53"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Thịnh Kỷ	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 15' 14"	105° 41' 18"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Tiền Châu	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 56"	105° 41' 34"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Tiên Non	DC	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 15' 14"	105° 41' 36"					F-48-68-A-d
đền Đạm Nội	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 13' 44"	105° 41' 04"					F-48-68-C-b
đình Đạm Xuyên	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 14' 31"	105° 41' 28"					F-48-68-C-b
đình Tiên Non	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 15' 13"	105° 41' 48"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 13' 55"	105° 41' 29"	21° 14' 28"	105° 44' 03"	F-48-68-C-b
Đường tỉnh 308	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 13' 56"	105° 41' 25"	21° 13' 50"	105° 41' 02"	F-48-68-C-b
Quốc lộ 2	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-C-b
Quốc lộ 23	KX	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 13' 55"	105° 41' 29"	21° 13' 14"	105° 42' 02"	F-48-68-C-b
Đầm Diệu	TV	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên	21° 14' 22"	105° 41' 51"					F-48-68-C-b
sông Cà Lồ	TV	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 15' 29"	105° 41' 06"	21° 14' 03"	105° 43' 58"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
sông Cà Lồ Cụt	TV	P. Tiền Châu	TP. Phúc Yên			21° 12' 32"	105° 36' 49"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 1	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 29"	105° 42' 15"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 2	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 34"	105° 42' 18"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 3	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 33"	105° 42' 10"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 4	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 30"	105° 41' 59"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 5	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 39"	105° 42' 13"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 6	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 43"	105° 42' 08"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 7	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 43"	105° 41' 59"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 8	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 41"	105° 42' 28"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 9	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 15' 03"	105° 42' 37"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 15' 11"	105° 42' 42"					F-48-68-A-d
chùa Báo Ân	KX	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 43"	105° 41' 55"					F-48-68-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 16' 28"	105° 43' 23"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
Đường tỉnh 301	KX	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên	KX	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 28"	105° 42' 03"					F-48-68-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Phúc	KX	P. Trưng Nhị	TP. Phúc Yên	21° 14' 34"	105° 41' 54"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 1	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 33"	105° 42' 27"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 2	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 28"	105° 42' 30"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 3	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 31"	105° 42' 24"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 4	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 24"	105° 42' 24"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 5	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 22"	105° 42' 18"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 6	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 26"	105° 42' 19"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 7	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 23"	105° 42' 15"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 8	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 22"	105° 42' 12"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 9	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 18"	105° 42' 16"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 10	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 21"	105° 42' 03"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 11	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 15"	105° 42' 00"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 12	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 19"	105° 42' 21"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 13	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 14"	105° 42' 17"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 14	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 08"	105° 42' 16"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 15	DC	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 09"	105° 42' 09"					F-48-68-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 16' 28"	105° 43' 23"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 301	KX	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
ga Phúc Yên	KX	P. Trưng Trắc	TP. Phúc Yên	21° 14' 26"	105° 42' 38"					F-48-68-C-b
tổ dân phố Số 1	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 58"	105° 43' 38"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 2	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 33"	105° 43' 28"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 3	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 58"	105° 43' 18"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 4	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 04"	105° 43' 12"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 56"	105° 43' 28"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 6	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 27"	105° 42' 54"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 7	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 48"	105° 42' 38"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 8	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 27"	105° 43' 13"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 9	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 15"	105° 43' 13"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 49"	105° 42' 47"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 18' 05"	105° 42' 49"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Yên Mỹ 1	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 50"	105° 43' 20"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Yên Mỹ 2	DC	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 42"	105° 43' 30"					F-48-68-A-d
Chùa Tiên	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 00"	105° 43' 46"					F-48-68-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 16' 28"	105° 43' 23"	F-48-68-A-d
đường Trường Chinh	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên			21° 16' 28"	105° 43' 23"	21° 18' 35"	105° 43' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 301	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Việt Xô số 1	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 31"	105° 43' 10"					F-48-68-A-d
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	KX	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 16' 55"	105° 43' 35"					F-48-68-A-d
dãy núi Thần Lằn	SV	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên	21° 17' 41"	105° 43' 22"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đại Lạn	TV	P. Xuân Hòa	TP. Phúc Yên			21° 18' 06"	105° 45' 19"	21° 15' 48"	105° 43' 19"	F-48-68-A-d
thôn Cao Quang	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 18' 19"	105° 42' 30"					F-48-68-A-d
thôn Đức Cung	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 47"	105° 42' 11"					F-48-68-A-d
thôn Hiển Lễ	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 16' 53"	105° 42' 35"					F-48-68-A-d
thôn Xuân Hòa 1	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 36"	105° 42' 43"					F-48-68-A-d
thôn Xuân Hòa 2	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 13"	105° 42' 48"					F-48-68-A-d
thôn Yên Điềm	DC	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 51"	105° 42' 36"					F-48-68-A-d
chùa Hiển Lễ	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 16' 53"	105° 42' 24"					F-48-68-A-d
đình Cao Quang	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 55"	105° 42' 26"					F-48-68-A-d
đình Hiển Lễ	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 16' 54"	105° 42' 24"					F-48-68-A-d
đình Xuân Hòa	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 24"	105° 42' 39"					F-48-68-A-d
đường Đại Lải	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên			21° 18' 55"	105° 42' 26"	21° 18' 35"	105° 43' 07"	F-48-68-A-d
đường Hoàng Hoa Thám	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên			21° 18' 55"	105° 42' 26"	21° 21' 22"	105° 42' 23"	F-48-68-A-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên			21° 14' 23"	105° 43' 29"	21° 19' 33"	105° 39' 25"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 301	KX	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
dãy núi Thằn Lằn	SV	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 17' 41"	105° 43' 22"					F-48-68-A-d
Đầm Láng	TV	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên	21° 16' 39"	105° 41' 30"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ba Hanh	TV	xã Cao Minh	TP. Phúc Yên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
thôn An Bình	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 28"	105° 45' 01"					F-48-68-B-c
thôn An Ninh	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 20"	105° 43' 48"					F-48-68-A-d
thôn An Thịnh	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 05"	105° 44' 56"					F-48-68-A-d
thôn Bắc Ái	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 23' 08"	105° 44' 03"					F-48-68-A-b
thôn Đồng Cao	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 09"	105° 43' 36"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Câu	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 21' 15"	105° 42' 16"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Chằm	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 59"	105° 43' 34"					F-48-68-A-b
thôn Đồng Đầm	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 21"	105° 43' 55"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Giãng	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 30"	105° 44' 20"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 14"	105° 42' 48"					F-48-68-A-d
thôn Gốc Duối	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 20' 50"	105° 42' 23"					F-48-68-A-d
thôn Lập Đinh	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 53"	105° 45' 21"					F-48-68-B-c
thôn Miếu Gỗ	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 42"	105° 43' 31"					F-48-68-A-d
thôn Ngọc Quang	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 58"	105° 43' 34"					F-48-68-A-d
thôn Sơn Đồng	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 42"	105° 44' 35"					F-48-68-A-d
thôn T80	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 27"	105° 44' 33"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân An	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 23' 14"	105° 44' 51"					F-48-68-A-b
thôn Thanh Cao	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 20' 47"	105° 44' 54"					F-48-68-A-d
thôn Thanh Lộc	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 24' 02"	105° 45' 13"					F-48-68-B-a
thôn Thọ An	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 23' 25"	105° 45' 06"					F-48-68-B-a
Thôn Chung	DC	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 54"	105° 43' 48"					F-48-68-A-d
Di tích lịch sử cách mạng Chiến khu Ngọc Thanh	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 20' 43"	105° 43' 10"					F-48-68-A-b F-48-68-B-a F-48-68-A-d F-48-68-B-c
đèo Cột Cờ	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 21' 50"	105° 43' 18"					F-48-68-A-d
đền Đồng Chằm	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 23' 10"	105° 43' 34"					F-48-68-A-b
đền Ngọc Mỗ	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 40"	105° 43' 34"					F-48-68-A-d
đình Đồng Đầm	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 16"	105° 43' 54"					F-48-68-A-d
đình Lập Đinh	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 53"	105° 45' 15"					F-48-68-B-c
đình Ngọc Quang	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 20' 12"	105° 43' 18"					F-48-68-A-d
đình Thanh Lộc	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 23' 26"	105° 44' 29"					F-48-68-A-b
đường Đại Lải	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 18' 55"	105° 42' 26"	21° 18' 35"	105° 43' 07"	F-48-68-A-d
đường Hoàng Hoa Thám	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 18' 55"	105° 42' 26"	21° 21' 22"	105° 42' 23"	F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Duẩn	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 18' 35"	105° 43' 07"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-d
đường Trường Chinh	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 16' 28"	105° 43' 23"	21° 18' 35"	105° 43' 07"	F-48-68-A-d
Đèo Bụt	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 14"	105° 46' 16"					F-48-68-B-c
Đèo Khế	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 24' 13"	105° 45' 35"					F-48-68-B-a
Đèo Nhe	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 24' 45"	105° 45' 10"					F-48-68-B-a
Đường tỉnh 301	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 14' 06"	105° 42' 57"	21° 24' 45"	105° 45' 10"	F-48-68-A-b F-48-68-A-d F-48-68-B-a
Đường tỉnh 310	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-d
Khu du lịch nghỉ dưỡng Flamingo Đại Lải	KX	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 59"	105° 42' 51"					F-48-68-A-d
núi Ba Co	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 18' 30"	105° 45' 30"					F-48-68-B-c
núi Con Voi	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 27"	105° 42' 43"					F-48-68-A-d
núi Đá Trắng	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 24' 37"	105° 43' 39"					F-48-68-A-b
núi Tám Cót	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 34"	105° 44' 55"					F-48-68-A-d
núi Tam Tương	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 29"	105° 44' 35"					F-48-68-A-d
Núi Dọn	SV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 21"	105° 46' 04"					F-48-68-B-c
hồ Đại Lải	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 17"	105° 42' 32"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Đồng Câu	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 21' 31"	105° 42' 22"					F-48-68-A-d
hồ Thanh Cao	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 19' 39"	105° 44' 07"					F-48-68-A-d
hồ Trại Trâu	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên	21° 22' 29"	105° 43' 15"					F-48-68-A-d
sông Ba Hanh	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
sông Đại Lạn	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 18' 06"	105° 45' 19"	21° 15' 48"	105° 43' 19"	F-48-68-A-d F-48-68-B-c
suối Lũng Vả	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 22' 14"	105° 44' 18"	21° 20' 33"	105° 42' 49"	F-48-68-A-d
Suối Khâu	TV	xã Ngọc Thanh	TP. Phúc Yên			21° 24' 32"	105° 43' 02"	21° 22' 33"	105° 42' 30"	F-48-68-A-b
tổ dân phố Cổ Độ	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 21' 10"	105° 38' 03"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cơ Khí	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 38"	105° 38' 47"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cơ Quan	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 25"	105° 39' 03"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Gia Du	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 59"	105° 38' 15"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Gò Châu	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 04"	105° 38' 13"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Gốc Gạo	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 06"	105° 38' 41"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Lưu Quang	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 22' 50"	105° 37' 19"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Quang Hà	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 21"	105° 38' 08"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Sơn Bỉ	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 21' 35"	105° 37' 34"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Tam Quang	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 32"	105° 37' 51"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Tân Hà	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 38"	105° 38' 36"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Thanh Xuân	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 21' 24"	105° 37' 23"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Trại Mới	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 19' 35"	105° 38' 44"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Xuân Quang	DC	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 18"	105° 38' 31"					F-48-68-A-d
Cầu Bòn	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 19' 44"	105° 38' 32"					F-48-68-A-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302C	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 19' 31"	105° 36' 54"	21° 20' 37"	105° 38' 37"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 310	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Nông trường Tam Đảo	KX	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 40"	105° 38' 50"					F-48-68-A-d
đồi Bảo Quang	SV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 22' 13"	105° 37' 23"					F-48-68-A-c F-48-68-A-d
hồ Bắp Cải	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 21' 00"	105° 37' 35"					F-48-68-A-d
hồ Gốc Gạo	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 24"	105° 38' 42"					F-48-68-A-d
hồ Quang Hà	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 20' 20"	105° 37' 59"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Sơn Bỉ	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên	21° 21' 25"	105° 37' 45"					F-48-68-A-d
sông Cầu Bòn	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 20' 56"	105° 37' 15"	21° 17' 35"	105° 39' 48"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Suối Hát	TV	TT. Gia Khánh	H. Bình Xuyên			21° 20' 54"	105° 39' 10"	21° 19' 19"	105° 38' 47"	F-48-68-A-d
khu phố 1	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 43"	105° 38' 39"					F-48-68-A-d
khu phố 2	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 15"	105° 38' 53"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Bờ Đáy	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 02"	105° 39' 46"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Chợ Cánh	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 30"	105° 39' 03"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Chùa Hạ	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 03"	105° 39' 15"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Chuôi Ná	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 55"	105° 39' 27"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Cửa Đồng	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 37"	105° 39' 15"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đông Mướp	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 09"	105° 39' 19"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đồng Nhất	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 39"	105° 38' 34"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Đồng Sậu	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 49"	105° 39' 22"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Kim Phượng	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 40"	105° 38' 52"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Lang Bầu	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 04"	105° 39' 07"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Lò Cang	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 38"	105° 38' 42"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Lò Ngói	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 25"	105° 38' 51"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Nhất Nhị	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 02"	105° 39' 22"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Nội Giữa	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 15"	105° 39' 03"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Thắng Lợi	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 25"	105° 39' 42"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Trong Ngoài	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 13"	105° 39' 22"					F-48-68-A-d
tổ dân phố Vam Dộc	DC	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 14"	105° 39' 12"					F-48-68-A-d
cầu Lò Cang	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 30"	105° 38' 52"					F-48-68-A-d
cầu Lò Cang (mới)	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 37"	105° 38' 18"					F-48-68-A-d
cầu Tam Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 57"	105° 39' 06"					F-48-68-A-d
cầu Tam Canh (mới)	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 52"	105° 39' 02"					F-48-68-A-d
chùa Kính Phúc	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 04"	105° 39' 12"					F-48-68-A-d
Cụm công nghiệp Hương Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 41"	105° 39' 13"					F-48-68-A-d
đình Hương Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 02"	105° 39' 12"					F-48-68-A-d
đình Ngọc Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 07"	105° 39' 14"					F-48-68-A-d
đình Tiên Hường	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 12"	105° 39' 00"					F-48-68-A-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 302	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 303	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 305B	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 16' 13"	105° 34' 21"	21° 15' 45"	105° 39' 11"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 310B	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 20' 09"	105° 41' 09"	21° 15' 23"	105° 39' 55"	F-48-68-A-d
ga Hương Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 55"	105° 38' 44"					F-48-68-A-d
Khu công nghiệp Bình Xuyên	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 15' 52"	105° 40' 04"					F-48-68-A-d
Làng gốm Hương Canh	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên	21° 16' 34"	105° 38' 46"					F-48-68-A-d
Quốc lộ 2	KX	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-d
Sông Cánh	TV	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 17' 35"	105° 39' 48"	21° 16' 32"	105° 38' 01"	F-48-68-A-d
Sông Phan	TV	TT. Hương Canh	H. Bình Xuyên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-d
tổ dân phố Công Bình	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 29"	105° 36' 41"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Đầu Làng	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 14"	105° 36' 46"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Đoàn Kết	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 35"	105° 36' 54"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Độc Lập	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 50"	105° 37' 12"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Đồng Lý	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 28"	105° 37' 02"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Đồng Sáo	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 15' 22"	105° 36' 41"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hồng Bàng	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 43"	105° 37' 00"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Hồng Hồ	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 22"	105° 36' 29"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Minh Lương	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 48"	105° 36' 43"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 46"	105° 37' 19"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Yên Thần	DC	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 22"	105° 36' 54"					F-48-68-C-a
chùa Quảng Hựu	KX	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 39"	105° 36' 52"					F-48-68-C-a
đền Thánh Mẫu	KX	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 43"	105° 36' 35"					F-48-68-C-a
đền Xuân Lãng	KX	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên	21° 14' 49"	105° 37' 17"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 303	KX	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-d
kênh chính Tả Ngạn	TV	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
kênh Sáu Vó	TV	TT. Thanh Lãng	H. Bình Xuyên			21° 16' 00"	105° 38' 04"	21° 15' 44"	105° 34' 47"	F-48-68-A-c
thôn Bảo Sơn	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 49"	105° 41' 10"					F-48-68-A-d
thôn Bá Hương	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 53"	105° 41' 36"					F-48-68-A-d
thôn Bắc Kế	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 00"	105° 40' 19"					F-48-68-A-d
thôn Đê Hến	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 04"	105° 40' 21"					F-48-68-A-d
thôn My Kỳ	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 50"	105° 41' 36"					F-48-68-A-d
thôn Quang Vinh	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 51"	105° 41' 18"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lập	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 00"	105° 41' 16"					F-48-68-A-d
thôn Tân Ngọc	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 35"	105° 40' 27"					F-48-68-A-d
thôn Thích Chung	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 44"	105° 41' 41"					F-48-68-A-d
thôn Thiện Chi	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 51"	105° 41' 42"					F-48-68-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 39"	105° 40' 40"					F-48-68-A-d
thôn Trại Cúp	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 08"	105° 40' 58"					F-48-68-A-d
thôn Văn Giáo	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 36"	105° 41' 24"					F-48-68-A-d
thôn Vinh Tiến	DC	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 36"	105° 41' 14"					F-48-68-A-d
chùa Thích Trung	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 35"	105° 41' 32"					F-48-68-A-d
Cầu Đen	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 51"	105° 41' 57"					F-48-68-A-d
Cầu Tranh	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 17' 48"	105° 40' 09"					F-48-68-A-d
đình Bắc Kế	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 55"	105° 40' 20"					F-48-68-A-d
đình Thích Trung	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 33"	105° 41' 32"					F-48-68-A-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 14' 23"	105° 43' 29"	21° 19' 33"	105° 39' 25"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302B	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 16' 55"	105° 38' 48"	21° 23' 01"	105° 41' 16"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 310	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 310B	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 20' 09"	105° 41' 09"	21° 15' 23"	105° 39' 55"	F-48-68-A-d
Khu công nghiệp Bá Thiện	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 43"	105° 40' 46"					F-48-68-A-d
Khu công nghiệp Bình Xuyên II	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 18' 24"	105° 40' 25"					F-48-68-A-d
Nhà máy Gạch Bá Hiến	KX	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên	21° 19' 04"	105° 41' 30"					F-48-68-A-d
sông Ba Hanh	TV	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
Sông Mây	TV	xã Bá Hiến	H. Bình Xuyên			21° 20' 30"	105° 41' 01"	21° 18' 32"	105° 40' 00"	F-48-68-A-d
thôn Bãi Kếu	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 42"	105° 40' 33"					F-48-68-C-b
Thôn Chùa	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 49"	105° 39' 54"					F-48-68-C-b
thôn Đại Phúc 1	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 23"	105° 40' 19"					F-48-68-C-b
thôn Đại Phúc 2	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 24"	105° 40' 34"					F-48-68-C-b
thôn Đông Đoài	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 29"	105° 39' 09"					F-48-68-C-b
Thôn Giữa	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 48"	105° 39' 57"					F-48-68-C-b
thôn Hưởng Lộc	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 19"	105° 41' 10"					F-48-68-C-b
Thôn Kếu	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 48"	105° 40' 08"					F-48-68-C-b
thôn Kiền Sơn	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 15' 25"	105° 40' 38"					F-48-68-A-d
thôn Nhân Vực	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 01"	105° 40' 27"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Trại	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 23"	105° 38' 53"					F-48-68-C-b
thôn Thượng Đức	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 32"	105° 40' 07"					F-48-68-C-b
Thôn Trại	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 55"	105° 40' 04"					F-48-68-C-b
thôn Trại Dật	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 33"	105° 39' 55"					F-48-68-C-b
thôn Trại Giữa	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 17"	105° 39' 17"					F-48-68-C-b
thôn Trại Ngoài	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 15"	105° 39' 22"					F-48-68-C-b
thôn Trại Trong	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 21"	105° 39' 10"					F-48-68-C-b
thôn Vườn Quan	DC	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 15' 22"	105° 39' 57"					F-48-68-A-d
Bệnh viện Điều dưỡng Giao Thông Vận Tải	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 13"	105° 40' 59"					F-48-68-C-b
cầu Hưởng Lộc	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 08"	105° 41' 13"					F-48-68-C-b
chùa Đại Phúc	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 16"	105° 40' 20"					F-48-68-C-b
chùa Mộ Đạo	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 45"	105° 39' 54"					F-48-68-C-b
đình Bảo Đức	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 39"	105° 39' 50"					F-48-68-C-b
đình Đại Phúc	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 17"	105° 40' 20"					F-48-68-C-b
đình Mộ Đạo	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên	21° 14' 44"	105° 39' 54"					F-48-68-C-b
Quốc lộ 2	KX	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cà Lồ Cụt	TV	xã Đạo Đức	H. Bình Xuyên			21° 12' 32"	105° 36' 49"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-d F-48-68-C-b
thôn Ba Mô	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 27"	105° 38' 47"					F-48-68-A-d
thôn Cầu Đá	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 50"	105° 38' 40"					F-48-68-A-d
thôn Chân Sơn	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 21"	105° 38' 26"					F-48-68-A-d
thôn Chùa Tiếng	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 18"	105° 39' 02"					F-48-68-A-d
thôn Hoàng Oanh	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 20' 27"	105° 37' 26"					F-48-68-A-c
thôn Hương Ngọc	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 53"	105° 37' 42"					F-48-68-A-d
thôn Hương Vị	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 48"	105° 38' 11"					F-48-68-A-d
thôn Tam Lộng	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 09"	105° 38' 24"					F-48-68-A-d
thôn Thiếu Khanh	DC	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 35"	105° 38' 35"					F-48-68-A-d
Cầu Bòn	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 44"	105° 38' 32"					F-48-68-A-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302C	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên			21° 19' 31"	105° 36' 54"	21° 20' 37"	105° 38' 37"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Cơ khí Nông nghiệp	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 05"	105° 38' 58"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng Thiết Giáp	KX	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 56"	105° 38' 23"					F-48-68-A-d
Núi Đanh	SV	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 20' 56"	105° 36' 44"					F-48-68-A-c
Núi Nia	SV	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 19' 16"	105° 38' 05"					F-48-68-A-d
Núi Trống	SV	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên	21° 18' 41"	105° 38' 02"					F-48-68-A-d
sông Cầu Bòn	TV	xã Hương Sơn	H. Bình Xuyên			21° 20' 56"	105° 37' 15"	21° 17' 35"	105° 39' 48"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
thôn Can Bi 1	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 06"	105° 38' 26"					F-48-68-C-b
thôn Can Bi 2	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 08"	105° 38' 43"					F-48-68-C-b
thôn Can Bi 3	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 10"	105° 38' 49"					F-48-68-C-b
thôn Can Bi 4	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 13"	105° 39' 00"					F-48-68-C-b
thôn Dương Cốc	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 48"	105° 38' 01"					F-48-68-C-b
thôn Kim Thái	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 32"	105° 39' 17"					F-48-68-C-b
thôn Lý Hải	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 14' 05"	105° 38' 25"					F-48-68-C-b
thôn Lý Nhân	DC	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 14' 42"	105° 37' 57"					F-48-68-C-b
chùa Can Bi	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 05"	105° 38' 40"					F-48-68-C-b
Đình Hạ	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 07"	105° 38' 40"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Lý Hải	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 14' 03"	105° 38' 18"					F-48-68-C-b
đình Lý Nhân	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 14' 46"	105° 37' 54"					F-48-68-C-b
Đình Thượng	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên	21° 13' 07"	105° 38' 32"					F-48-68-C-b
Đường tỉnh 303	KX	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-C-b
Kênh N11	TV	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên			21° 13' 02"	105° 38' 27"	21° 13' 07"	105° 36' 26"	F-48-68-C-b
sông Cà Lồ Cụt	TV	xã Phú Xuân	H. Bình Xuyên			21° 12' 32"	105° 36' 49"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-C-b
thôn Cầu Các	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 16' 53"	105° 38' 29"					F-48-68-A-d
Thôn Chũng	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 25"	105° 38' 08"					F-48-68-A-d
Thôn Giữa	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 30"	105° 38' 20"					F-48-68-A-d
Thôn Núi	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 14"	105° 37' 53"					F-48-68-A-d
Thôn Phổ	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 27"	105° 37' 39"					F-48-68-A-d
Thôn Trại	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 16' 55"	105° 37' 29"					F-48-68-A-c
Thôn Vải	DC	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 10"	105° 38' 11"					F-48-68-A-d
đình Quất Lưu	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên	21° 17' 10"	105° 38' 01"					F-48-68-A-d
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 17' 04"	105° 37' 35"	21° 16' 49"	105° 35' 33"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 305B	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 16' 13"	105° 34' 21"	21° 15' 45"	105° 39' 11"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-d
Sông Phan	TV	xã Quất Lưu	H. Bình Xuyên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
thôn Ái Văn	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 08"	105° 41' 14"					F-48-68-A-d
thôn An Lão	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 15' 57"	105° 41' 01"					F-48-68-A-d
thôn Bá Cầu	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 17' 15"	105° 40' 17"					F-48-68-A-d
thôn Lương Câu	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 46"	105° 40' 35"					F-48-68-A-d
thôn Ngọc Bảo	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 10"	105° 40' 34"					F-48-68-A-d
thôn Nhân Nghĩa	DC	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 34"	105° 40' 32"					F-48-68-A-d
cầu Bờ Đáy	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 19"	105° 40' 13"					F-48-68-A-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302B	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 16' 55"	105° 38' 48"	21° 23' 01"	105° 41' 16"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 310B	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 20' 09"	105° 41' 09"	21° 15' 23"	105° 39' 55"	F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Bình Xuyên	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 15' 52"	105° 40' 04"					F-48-68-A-d
Khu công nghiệp Sơn Lôi	KX	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên	21° 16' 51"	105° 40' 04"					F-48-68-A-d
sông Ba Hanh	TV	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
sông Cà Lồ	TV	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 15' 29"	105° 41' 06"	21° 14' 03"	105° 43' 58"	F-48-68-A-d
Sông Phan	TV	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-d
Sông Tranh	TV	xã Sơn Lôi	H. Bình Xuyên			21° 18' 32"	105° 40' 00"	21° 17' 12"	105° 40' 57"	F-48-68-A-d
thôn Chợ Nội	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 03"	105° 38' 51"					F-48-68-A-d
thôn Đồi Chùa	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 13"	105° 38' 55"					F-48-68-A-d
thôn Hàm Rồng	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 45"	105° 39' 41"					F-48-68-A-d
thôn Hữu Bằng 1	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 55"	105° 39' 53"					F-48-68-A-d
thôn Hữu Bằng 2	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 47"	105° 39' 58"					F-48-68-A-d
thôn Ngoại Trạch 1	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 39"	105° 38' 45"					F-48-68-A-d
thôn Ngoại Trạch 2	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 55"	105° 39' 00"					F-48-68-A-d
thôn Tây Đình	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 28"	105° 39' 12"					F-48-68-A-d
thôn Xuôi Ngành	DC	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 04"	105° 39' 11"					F-48-68-A-d
cầu Hàm Rồng	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 36"	105° 39' 36"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Ngoại Trạch	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 38"	105° 38' 55"					F-48-68-A-d
Cầu Tranh	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 48"	105° 40' 09"					F-48-68-A-d
đình Ngoại Trạch	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 39"	105° 38' 55"					F-48-68-A-d
đình Nội Phật	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 20"	105° 39' 10"					F-48-68-A-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302B	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 16' 55"	105° 38' 48"	21° 23' 01"	105° 41' 16"	F-48-68-A-d
miếu Tam Thánh	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 17' 01"	105° 39' 06"					F-48-68-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Cơ khí Nông nghiệp	KX	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên	21° 18' 05"	105° 38' 58"					F-48-68-A-d
Sông Cánh	TV	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 17' 35"	105° 39' 48"	21° 16' 32"	105° 38' 01"	F-48-68-A-d
sông Cầu Bòn	TV	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 20' 56"	105° 37' 15"	21° 17' 35"	105° 39' 48"	F-48-68-A-d
Sông Tranh	TV	xã Tam Hợp	H. Bình Xuyên			21° 18' 32"	105° 40' 00"	21° 17' 12"	105° 40' 57"	F-48-68-A-d
thôn Mỹ Đô	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 22"	105° 38' 04"					F-48-68-A-d
thôn Nam Bản	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 30"	105° 37' 55"					F-48-68-A-d
thôn Nam Nhân	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 14' 47"	105° 38' 06"					F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân An	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 29"	105° 37' 31"					F-48-68-A-d
thôn Thịnh Đức	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 14' 49"	105° 38' 28"					F-48-68-C-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 07"	105° 38' 10"					F-48-68-A-d
thôn Trường Thư	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 50"	105° 37' 37"					F-48-68-A-d
thôn Yên Định	DC	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên	21° 15' 11"	105° 38' 17"					F-48-68-A-d
Đường tỉnh 303	KX	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-d
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
kênh Sáu Vó	TV	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên			21° 16' 00"	105° 38' 04"	21° 15' 44"	105° 34' 47"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Sông Phan	TV	xã Tân Phong	H. Bình Xuyên			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-d
thôn Ao Trạch	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 18"	105° 39' 51"					F-48-68-A-d
thôn Cầu Mán	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 08"	105° 39' 57"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Nhạn	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 20"	105° 40' 43"					F-48-68-A-d
thôn Gò Cao	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 27"	105° 39' 56"					F-48-68-A-d
thôn Gò Dẫu	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 18' 35"	105° 39' 21"					F-48-68-A-d
thôn Hiệp Hải	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 07"	105° 39' 00"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hiệp Thuận	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 46"	105° 39' 38"					F-48-68-A-d
thôn Hương Đà	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 13"	105° 39' 30"					F-48-68-A-d
thôn Ngũ Hồ	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 26"	105° 40' 04"					F-48-68-A-d
thôn Phục Khải	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 01"	105° 40' 01"					F-48-68-A-d
thôn Quảng Khai	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 19"	105° 38' 58"					F-48-68-A-d
thôn Quảng Thiện	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 39"	105° 39' 59"					F-48-68-A-d
thôn Rừng Cuông	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 30"	105° 39' 04"					F-48-68-A-d
thôn Rừng Sằm	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 16"	105° 40' 02"					F-48-68-A-d
thôn Tam Hà	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 53"	105° 39' 31"					F-48-68-A-d
thôn Thiện Kế	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 16"	105° 39' 53"					F-48-68-A-d
thôn Vĩnh Phượng	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 18' 32"	105° 39' 50"					F-48-68-A-d
thôn Xây Dựng	DC	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 49"	105° 39' 01"					F-48-68-A-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên			21° 14' 23"	105° 43' 29"	21° 19' 33"	105° 39' 25"	F-48-68-A-d
Đường tỉnh 310	KX	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-d
Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc	KX	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 11"	105° 39' 12"					F-48-68-A-d
Nông trường Tam Đảo	KX	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 40"	105° 38' 50"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trại gà Tam Đảo	KX	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 32"	105° 39' 37"					F-48-68-A-d
hồ Cẩu Sậu	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 31"	105° 39' 44"					F-48-68-A-d
hồ Giếng Hin	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 07"	105° 40' 09"					F-48-68-A-d
hồ Hiệp Hòa	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 19' 58"	105° 39' 34"					F-48-68-A-d
hồ Hương Đà	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên	21° 20' 42"	105° 39' 27"					F-48-68-A-d
sông Cầu Bòn	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên			21° 20' 56"	105° 37' 15"	21° 17' 35"	105° 39' 48"	F-48-68-A-d
Sông Mây	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên			21° 20' 30"	105° 41' 01"	21° 18' 32"	105° 40' 00"	F-48-68-A-d
Suối Hát	TV	xã Thiện Kế	H. Bình Xuyên			21° 20' 54"	105° 39' 10"	21° 19' 19"	105° 38' 47"	F-48-68-A-d
thôn Ba Gò	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 16"	105° 41' 21"					F-48-68-A-d
thôn Cơ Khí	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 20' 40"	105° 41' 16"					F-48-68-A-d
thôn Đồng Giang	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 37"	105° 41' 07"					F-48-68-A-d
thôn Đông Thành	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 20' 44"	105° 41' 38"					F-48-68-A-d
thôn Gia Khau	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 23"	105° 39' 44"					F-48-68-A-d
thôn Mỹ Khê	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 09"	105° 42' 03"					F-48-68-A-d
thôn Tam Sơn	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 20' 50"	105° 41' 50"					F-48-68-A-d
thôn Thanh Lanh	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 22' 49"	105° 41' 12"					F-48-68-A-b
thôn Trung Mầu	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 08"	105° 40' 55"					F-48-68-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Đồng	DC	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 20' 42"	105° 42' 05"					F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302B	KX	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên			21° 16' 55"	105° 38' 48"	21° 23' 01"	105° 41' 16"	F-48-68-A-d
Đền Thượng	KX	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 23' 10"	105° 41' 21"					F-48-68-A-b
Đền Trung	KX	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 22' 38"	105° 41' 18"					F-48-68-A-b
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 26' 42"	105° 39' 18"					F-48-68-A-b
núi Chợ Giời	SV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 23' 06"	105° 40' 02"					F-48-68-A-b
hồ Đồng Câu	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 31"	105° 42' 22"					F-48-68-A-d
hồ Gia Khau	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 21' 39"	105° 40' 15"					F-48-68-A-d
hồ Thanh Lanh	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên	21° 23' 21"	105° 41' 14"					F-48-68-A-b
sông Ba Hanh	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên			21° 21' 24"	105° 42' 16"	21° 15' 56"	105° 42' 00"	F-48-68-A-d
sông Lon Băn	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên			21° 22' 33"	105° 42' 30"	21° 21' 38"	105° 42' 38"	F-48-68-A-d
Suối Khâu	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên			21° 24' 32"	105° 43' 02"	21° 22' 33"	105° 42' 30"	F-48-68-A-b
suối Trung Mầu	TV	xã Trung Mỹ	H. Bình Xuyên			21° 23' 20"	105° 41' 00"	21° 20' 30"	105° 41' 01"	F-48-68-A-d
tổ dân phố Cộng Hòa	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 16"	105° 30' 30"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Hòa Bình	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 18"	105° 30' 43"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Hoa Lư	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 55"	105° 31' 06"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Quảng Khuân	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 37"	105° 30' 55"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Tân Thái	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 07"	105° 31' 14"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Thái Bình	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 40"	105° 30' 00"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Xích Thổ	DC	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 42"	105° 30' 52"					F-48-68-A-a
chùa Cả Liễn Sơn	KX	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 02"	105° 30' 38"					F-48-68-A-a
Cầu Đen	KX	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 02"	105° 30' 58"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 307	KX	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-68-A-a
Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa	KX	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 33"	105° 30' 14"					F-48-68-A-a
hồ Rừng Anh	TV	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 40"	105° 30' 29"					F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	TT. Hoa Sơn	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
Khu 6	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 09"	105° 27' 04"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Long Cương	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 08"	105° 27' 17"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Phú Chiền	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 25' 19"	105° 27' 49"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Phú Lâm	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 25' 08"	105° 27' 12"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Phú Thượng	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 51"	105° 27' 52"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Tân Chiền	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 25' 03"	105° 27' 47"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Tân Phú	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 48"	105° 27' 28"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Thạc Trục	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 48"	105° 28' 04"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 53"	105° 26' 49"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Văn Sơn	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 32"	105° 27' 39"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Văn Thịnh	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 36"	105° 27' 48"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Vĩnh Thịnh	DC	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 56"	105° 27' 19"					F-48-67-B-b
đình Thạc Trục	KX	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 56"	105° 27' 57"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 305	KX	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 306	KX	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
đồi Suối Nước	SV	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch	21° 24' 34"	105° 26' 44"					F-48-67-B-b
kênh Vân Trục	TV	TT. Lập Thạch	H. Lập Thạch			21° 26' 35"	105° 26' 26"	21° 23' 29"	105° 27' 15"	F-48-67-B-b
thôn Bồ Thầy	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 24' 11"	105° 29' 52"					F-48-67-B-b
thôn Đông Lai	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 08"	105° 30' 24"					F-48-68-A-a
thôn Hoa Giang	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 32"	105° 29' 15"					F-48-67-B-b
thôn Tây Hạ Đông	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 22"	105° 30' 37"					F-48-68-A-a
thôn Tây Hạ Nam	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 26"	105° 30' 22"					F-48-68-A-a
thôn Trụ Thạch	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 24' 09"	105° 29' 30"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Me	DC	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 50"	105° 29' 41"					F-48-67-B-b
chùa Đông Lai	KX	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 18"	105° 30' 12"					F-48-68-A-a
đình Tây Hạ	KX	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch	21° 23' 23"	105° 30' 22"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 306	KX	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Bàn Giản	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 29' 08"	105° 30' 13"					F-48-68-A-a
thôn Bình Chỉ	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 11"	105° 29' 09"					F-48-67-B-b
thôn Bình Long	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 29' 01"	105° 30' 41"					F-48-68-A-a
thôn Dộc Mít	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 41"	105° 28' 03"					F-48-67-B-b
thôn Hoàng Chỉ	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 36"	105° 29' 22"					F-48-67-B-b
thôn Hữu Phúc	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 18"	105° 31' 04"					F-48-68-A-a
thôn Yên Thích	DC	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 34"	105° 28' 53"					F-48-67-B-b
Cầu Chang	KX	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 24"	105° 31' 11"					F-48-68-A-a
cầu Tùy Sơn	KX	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 29' 21"	105° 29' 55"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 302	KX	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Đát	SV	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 27' 36"	105° 29' 20"					F-48-67-B-b
Núi Đình	SV	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 05"	105° 29' 39"					F-48-67-B-b
núi Thằn Lằn	SV	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 29' 09"	105° 27' 46"					F-48-67-B-b
Núi Voi	SV	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch	21° 28' 10"	105° 28' 33"					F-48-67-B-b
sông Phó Đáy	TV	xã Bắc Bình	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
thôn Ái Quốc	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 46"	105° 27' 56"					F-48-67-B-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 21' 22"	105° 28' 14"					F-48-67-B-d
thôn Đông Sơn	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 21' 13"	105° 28' 25"					F-48-67-B-d
thôn Kiến Thiết	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 49"	105° 28' 21"					F-48-67-B-d
thôn Ngọc Vị	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 21' 03"	105° 28' 10"					F-48-67-B-d
thôn Phấn Khởi	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 58"	105° 28' 23"					F-48-67-B-d
thôn Thái Bình	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 21' 09"	105° 28' 16"					F-48-67-B-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 43"	105° 28' 30"					F-48-67-B-d
thôn Trung Kiên	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 55"	105° 28' 05"					F-48-67-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 48"	105° 27' 44"					F-48-67-B-d
thôn Tự Do	DC	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 38"	105° 28' 20"					F-48-67-B-d
đền Đình Chu	KX	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 52"	105° 28' 15"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Đình Chu	KX	xã Đình Chu	H. Lập Thạch	21° 20' 55"	105° 28' 09"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Đình Chu	H. Lập Thạch			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Đình Chu	H. Lập Thạch			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Đình Chu	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d
thôn Bì La	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 22' 55"	105° 30' 30"					F-48-68-A-a
thôn Đại Lữ	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 21' 14"	105° 29' 55"					F-48-67-B-d
thôn Hạ Ích	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 22' 56"	105° 29' 45"					F-48-67-B-b
thôn Hoàng Chung	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 21' 18"	105° 29' 28"					F-48-67-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 21' 54"	105° 30' 30"					F-48-68-A-c
thôn Viên Luận	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 22' 11"	105° 29' 45"					F-48-67-B-d
thôn Xuân Đán	DC	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 21' 52"	105° 29' 28"					F-48-67-B-d
cầu Bến Gạo	KX	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 20' 55"	105° 30' 16"					F-48-68-A-c
đền Triệu Thái	KX	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 21' 14"	105° 29' 31"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 306	KX	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-68-A-a
hồ Đồi Bìa	TV	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch	21° 23' 06"	105° 29' 36"					F-48-67-B-b
sông Phó Đáy	TV	xã Đồng Ích	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a F-48-67-B-d
thôn Bỉnh Ri	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 48"	105° 29' 32"					F-48-67-B-b
thôn Cầu Giát	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 44"	105° 27' 25"					F-48-67-B-b
thôn Độc Lập	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 44"	105° 29' 02"					F-48-67-B-b
thôn Phú Cường	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 23"	105° 29' 16"					F-48-67-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 08"	105° 29' 33"					F-48-67-B-b
thôn Thọ Linh	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 25"	105° 28' 38"					F-48-67-B-b
thôn Tùy Sơn	DC	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 37"	105° 29' 23"					F-48-67-B-b
cầu Quang Sơn	KX	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 30' 14"	105° 28' 59"					C-48-55-D-d
cầu Tùy Sơn	KX	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 21"	105° 29' 55"					F-48-67-B-b
Chợ Ri	KX	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 39"	105° 29' 32"					F-48-67-B-b
Quốc lộ 2C	KX	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-67-B-b
núi Dốc Thượng	SV	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 10"	105° 29' 06"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thằn Lằn	SV	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 29' 09"	105° 27' 46"					F-48-67-B-b
Núi Thờ	SV	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch	21° 30' 02"	105° 27' 33"					C-48-55-D-d
sông Phó Đáy	TV	xã Hợp Lý	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	C-48-55-D-d
thôn Làng Bến	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 23' 44"	105° 30' 48"					F-48-68-A-a
thôn Ngọc Liễn	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 04"	105° 30' 55"					F-48-68-A-a
thôn Phú Cả	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 23' 57"	105° 30' 43"					F-48-68-A-a
thôn Phú Khánh	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 17"	105° 30' 58"					F-48-68-A-a
thôn Phú Lộc	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 30"	105° 30' 55"					F-48-68-A-a
thôn Phú Ninh	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 46"	105° 30' 04"					F-48-68-A-a
thôn Phú Thụ	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 47"	105° 30' 31"					F-48-68-A-a
thôn Tây Thượng	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 23' 55"	105° 30' 26"					F-48-68-A-a
thôn Thượng Đạt	DC	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 16"	105° 30' 31"					F-48-68-A-a
Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa	KX	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 33"	105° 30' 14"					F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Liên Hòa	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
thôn Dương Chỉ	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 14"	105° 29' 44"					F-48-67-B-b
thôn Đá Trắng	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 02"	105° 29' 29"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ngõa	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 27"	105° 29' 13"					F-48-67-B-b
thôn Hồng Phong	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 09"	105° 28' 54"					F-48-67-B-b
thôn Phú Xuân	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 57"	105° 29' 46"					F-48-67-B-b
thôn Thản Sơn	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 23"	105° 29' 48"					F-48-67-B-b
thôn Thắng Lợi	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 53"	105° 29' 25"					F-48-67-B-b
thôn Vinh Phú	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 18"	105° 30' 10"					F-48-68-A-a
thôn Vinh Quang	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 45"	105° 29' 54"					F-48-67-B-b
thôn Xuân Bái	DC	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 38"	105° 29' 24"					F-48-67-B-b
cầu Thản Sơn 1	KX	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 18"	105° 29' 35"					F-48-67-B-b
cầu Thản Sơn 2	KX	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 28"	105° 29' 04"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa	KX	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 25' 33"	105° 30' 14"					F-48-68-A-a
núi Bảo Đài	SV	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 53"	105° 28' 39"					F-48-67-B-b
Núi Đát	SV	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 36"	105° 29' 20"					F-48-67-B-b
Núi Đình	SV	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 28' 05"	105° 29' 39"					F-48-67-B-b
Núi Mồ	SV	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 26' 59"	105° 28' 57"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Đồng Mồ	TV	xã Liễn Sơn	H. Lập Thạch	21° 27' 13"	105° 29' 08"					F-48-67-B-b
Thôn Cương	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 13"	105° 26' 16"					F-48-67-B-b
Thôn Han	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 16"	105° 26' 39"					F-48-67-B-b
Thôn Hạ	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 14"	105° 27' 14"					F-48-67-B-b
thôn Hòa Loan	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 44"	105° 26' 59"					F-48-67-B-b
thôn Minh Sơn	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 49"	105° 26' 19"					F-48-67-B-b
thôn Nghệ Oản	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 26"	105° 27' 29"					F-48-67-B-b
Thôn Ngọc	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 16"	105° 27' 41"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Kỳ	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 27' 55"	105° 27' 50"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 27' 50"	105° 28' 20"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Trung	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 31"	105° 27' 07"					F-48-67-B-b
thôn Tân Cương	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 54"	105° 26' 22"					F-48-67-B-b
thôn Văn Trưng	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 17"	105° 26' 38"					F-48-67-B-b
đèo Kèo Cài	KX	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 27' 36"	105° 28' 09"					F-48-67-B-b
núi Bảo Đài	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 27' 53"	105° 28' 39"					F-48-67-B-b
núi Con Voi	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 27' 32"	105° 27' 36"					F-48-67-B-b
Núi Được	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 23"	105° 26' 51"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kháo Lớn	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 10"	105° 26' 58"					F-48-67-B-b
núi Kháo Nhỏ	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 50"	105° 26' 45"					F-48-67-B-b
núi Sáng Sơn	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 30"	105° 25' 45"					F-48-67-B-b
núi Thằn Lằn	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 29' 09"	105° 27' 46"					F-48-67-B-b
Núi Voi	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Lập Thạch	21° 28' 10"	105° 28' 33"					F-48-67-B-b
thôn Ấp Mới	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 31' 23"	105° 29' 32"					C-48-55-D-d
thôn Ba Trung	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 30"	105° 28' 20"					C-48-55-D-d
thôn Cầu Dưới	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 24"	105° 28' 57"					C-48-55-D-d
thôn Cầu Trên	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 46"	105° 29' 11"					C-48-55-D-d
thôn Chuối Ngoài	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 39"	105° 27' 33"					C-48-55-D-d
thôn Chuối Trong	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 55"	105° 27' 42"					C-48-55-D-d
thôn Đồng Ái	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 19"	105° 27' 24"					C-48-55-D-d
thôn Kiên Đình	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 31' 06"	105° 28' 33"					C-48-55-D-d
thôn Quảng Cư	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 31' 06"	105° 29' 29"					C-48-55-D-d
thôn Quế Miêng	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 29' 56"	105° 28' 17"					C-48-67-B-b
thôn Sơn Kịch	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 25"	105° 27' 51"					C-48-55-D-d
thôn Trại Diễn	DC	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 07"	105° 27' 01"					C-48-55-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Quang Sơn	KX	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 14"	105° 28' 59"					C-48-55-D-d
Quốc lộ 2C	KX	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	C-48-55-D-d
núi Kháo Nhỏ	SV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 29' 50"	105° 26' 45"					F-48-67-B-b
núi Quả Báo	SV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 31' 22"	105° 28' 15"					C-48-55-D-d
Núi Suất	SV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 55"	105° 28' 06"					C-48-55-D-d
Núi Thờ	SV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 02"	105° 27' 33"					C-48-55-D-d
núi Ván Xôi	SV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch	21° 30' 42"	105° 28' 23"					C-48-55-D-d
sông Phó Đáy	TV	xã Quang Sơn	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	C-48-55-D-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 27"	105° 27' 56"					F-48-67-B-d
thôn Đa Cai	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 50"	105° 26' 57"					F-48-67-B-d
Thôn Đẽn	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 59"	105° 27' 20"					F-48-67-B-d
thôn Đông Mật	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 20"	105° 27' 47"					F-48-67-B-d
thôn Đông Thịnh	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 10"	105° 27' 44"					F-48-67-B-d
thôn Lũng Hòa	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 30"	105° 27' 43"					F-48-67-B-d
thôn Nam Hải	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 15"	105° 27' 33"					F-48-67-B-d
thôn Phú Hậu	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 18' 10"	105° 27' 24"					F-48-67-B-d
thôn Phú Hậu Thượng	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 18' 33"	105° 27' 31"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Hậu Trung	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 24"	105° 27' 28"					F-48-67-B-d
thôn Quan Tử	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 23"	105° 27' 12"					F-48-67-B-d
thôn Yên Hòa	DC	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 18' 46"	105° 27' 27"					F-48-67-B-d
chùa Vĩnh Phúc	KX	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 37"	105° 27' 13"					F-48-67-B-d
đền Đỗ Khắc Chung	KX	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 25"	105° 27' 01"					F-48-67-B-d
đền Trần Nguyên Hãn	KX	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch	21° 19' 46"	105° 26' 53"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d
Sông Lô	TV	xã Sơn Đông	H. Lập Thạch			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-d
thôn Chùa Đại Lương	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 06"	105° 31' 32"					F-48-68-A-a
thôn Đại Lương	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 14"	105° 31' 30"					F-48-68-A-a
Thôn Đền	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 41"	105° 31' 05"					F-48-68-A-a
thôn Đình Tre	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 12"	105° 31' 16"					F-48-68-A-a
thôn Đông Định	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 13"	105° 30' 48"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Làng	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 57"	105° 31' 32"					F-48-68-A-a
thôn Gò Giềng	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 23"	105° 30' 34"					F-48-68-A-a
thôn Làng Sen	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 40"	105° 31' 28"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Móng Cầu	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 33"	105° 31' 47"					F-48-68-A-a
thôn Ngọc Hà	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 20"	105° 31' 20"					F-48-68-A-a
thôn Rừng Khảng	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 37"	105° 31' 15"					F-48-68-A-a
thôn Sen Hồ	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 44"	105° 31' 14"					F-48-68-A-a
thôn Tây Sơn	DC	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 28' 06"	105° 30' 24"					F-48-68-A-a
cầu Liễn Sơn	KX	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 32"	105° 31' 54"					F-48-68-A-a
đình Quan Ngoại	KX	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 37"	105° 31' 33"					F-48-68-A-a
đình Sen Hồ	KX	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 41"	105° 31' 17"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 307	KX	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-68-A-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Thái Hòa	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
Thôn Chùa	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 21' 40"	105° 28' 30"					F-48-67-B-d
Thôn Dộc	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 18"	105° 28' 38"					F-48-67-B-d
Thôn Đình	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 00"	105° 28' 43"					F-48-67-B-d
thôn Minh Trụ	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 02"	105° 28' 52"					F-48-67-B-d
Thôn Mới	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 24"	105° 28' 39"					F-48-67-B-d
thôn Nương Ải	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 21' 51"	105° 29' 11"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nương Cầu	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 21' 29"	105° 28' 22"					F-48-67-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 15"	105° 28' 48"					F-48-67-B-d
Thôn Quẵng	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 31"	105° 28' 54"					F-48-67-B-b
Thôn Xuôi	DC	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 04"	105° 28' 36"					F-48-67-B-d
chùa Sùng Khánh	KX	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 21' 40"	105° 28' 33"					F-48-67-B-d
đình Tiên Lữ	KX	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 02"	105° 28' 48"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305	KX	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-67-B-d
Núi Quạn	SV	xã Tiên Lữ	H. Lập Thạch	21° 22' 54"	105° 28' 43"					F-48-67-B-b
thôn Đạo Nội	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 00"	105° 28' 45"					F-48-67-B-d
thôn Đoàn Thành	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 28"	105° 27' 48"					F-48-67-B-d
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 09"	105° 28' 09"					F-48-67-B-d
thôn Hùng Sơn	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 24"	105° 28' 42"					F-48-67-B-d
thôn Hương Ngãi	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 07"	105° 28' 40"					F-48-67-B-d
thôn Kim Sơn	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 19' 54"	105° 28' 10"					F-48-67-B-d
thôn Kim Tiến	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 06"	105° 28' 21"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lam Sơn	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 16"	105° 28' 30"					F-48-67-B-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 18"	105° 27' 44"					F-48-67-B-d
thôn Thành Công	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 20"	105° 28' 02"					F-48-67-B-d
thôn Vọng Sơn	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 20' 07"	105° 27' 46"					F-48-67-B-d
thôn Yên Bình	DC	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 19' 56"	105° 28' 21"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-d
Đồi Tú	SV	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch	21° 19' 45"	105° 28' 05"					F-48-67-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Triệu Đề	H. Lập Thạch			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d
thôn Bản Hậu	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 09"	105° 28' 30"					F-48-67-B-b
Thôn Dầu	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 05"	105° 27' 59"					F-48-67-B-b
Thôn Diễu	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 12"	105° 28' 19"					F-48-67-B-b
Thôn Gắm	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 47"	105° 28' 55"					F-48-67-B-b
Thôn Guồng	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 22"	105° 28' 51"					F-48-67-B-b
thôn Hoàng Sơn	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 25"	105° 28' 00"					F-48-67-B-b
Thôn Khâu	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 23' 38"	105° 28' 36"					F-48-67-B-b
Thôn Nứa	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 23' 01"	105° 28' 44"					F-48-67-B-b
thôn Sau Ga	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 43"	105° 28' 26"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Vằng	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 23' 51"	105° 28' 20"					F-48-67-B-b
thôn Vinh Hoa	DC	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 24' 47"	105° 29' 33"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 305	KX	xã Tử Du	H. Lập Thạch			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 306	KX	xã Tử Du	H. Lập Thạch			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b
Núi Quạn	SV	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 22' 54"	105° 28' 43"					F-48-67-B-b
Núi Thờ	SV	xã Tử Du	H. Lập Thạch	21° 25' 13"	105° 29' 38"					F-48-67-B-b
thôn Bồ Tỉnh	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 44"	105° 26' 56"					F-48-67-B-b
thôn Con Voi	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 34"	105° 27' 11"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Núi	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 05"	105° 26' 18"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Vẫn	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 06"	105° 27' 10"					F-48-67-B-b
thôn Móc Lép	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 04"	105° 26' 53"					F-48-67-B-b
thôn Phao Tràng	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 15"	105° 26' 28"					F-48-67-B-b
thôn Song Vân	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 10"	105° 26' 42"					F-48-67-B-b
thôn Tam Phú	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 35"	105° 25' 57"					F-48-67-B-b
thôn Thanh Vân	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 19"	105° 26' 34"					F-48-67-B-b
thôn Vân Hội	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 23"	105° 26' 56"					F-48-67-B-b
thôn Vân Trục	DC	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 26"	105° 26' 30"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 307	KX	xã Vân Trục	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
đỉnh Treo Nón	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 54"	105° 26' 14"					F-48-67-B-b
đồi Chùa Mụ	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 19"	105° 25' 27"					F-48-67-B-b
Núi Bục	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 25' 48"	105° 26' 33"					F-48-67-B-b
núi Con Voi	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 32"	105° 27' 36"					F-48-67-B-b
núi Hình Nhân	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 27' 27"	105° 25' 25"					F-48-67-B-b
núi Sáng Sơn	SV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 28' 30"	105° 25' 45"					F-48-67-B-b
hồ Vân Trục	TV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch	21° 26' 53"	105° 26' 32"					F-48-67-B-b
kênh Vân Trục	TV	xã Vân Trục	H. Lập Thạch			21° 26' 35"	105° 26' 26"	21° 23' 29"	105° 27' 15"	F-48-67-B-b
thôn Cầu Thao	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 59"	105° 28' 07"					F-48-67-B-b
thôn Đình Thắng	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 30"	105° 28' 47"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Chủ	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 49"	105° 28' 41"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Quyền	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 24' 56"	105° 28' 12"					F-48-67-B-b
thôn Gia Hòa	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 15"	105° 28' 06"					F-48-67-B-b
thôn Hòa Phong	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 53"	105° 28' 33"					F-48-67-B-b
thôn Hồng Thái	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 47"	105° 27' 13"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Hoa	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 28"	105° 27' 39"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Núi Ngọc	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 59"	105° 27' 43"					F-48-67-B-b
thôn Rừng Chám	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 28"	105° 26' 58"					F-48-67-B-b
thôn Rừng Chũng	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 36"	105° 28' 01"					F-48-67-B-b
thôn Thành Công	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 51"	105° 28' 02"					F-48-67-B-b
thôn Thành Lập	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 07"	105° 27' 50"					F-48-67-B-b
thôn Văn Lãm	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 25' 53"	105° 27' 37"					F-48-67-B-b
thôn Xuân Phong	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 08"	105° 27' 31"					F-48-67-B-b
thôn Xuân Trạch	DC	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 26' 36"	105° 28' 05"					F-48-67-B-b
đèo Kèo Cài	KX	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 36"	105° 28' 09"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
núi Bảo Đài	SV	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 53"	105° 28' 39"					F-48-67-B-b
núi Con Voi	SV	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 32"	105° 27' 36"					F-48-67-B-b
hồ Thiên Lĩnh	TV	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch	21° 27' 12"	105° 28' 04"					F-48-67-B-b
kênh Vân Trục	TV	xã Xuân Hòa	H. Lập Thạch			21° 26' 35"	105° 26' 26"	21° 23' 29"	105° 27' 15"	F-48-67-B-b
thôn Chiến Thắng	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 26"	105° 27' 12"					F-48-67-B-d
thôn Cộng Hòa	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 22"	105° 27' 32"					F-48-67-B-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 52"	105° 26' 53"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Tâm	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 23' 09"	105° 27' 02"					F-48-67-B-b
thôn Đông Xuân	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 53"	105° 27' 45"					F-48-67-B-b
thôn Liên Sơn	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 23' 06"	105° 28' 15"					F-48-67-B-b
thôn Lục Thụ	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 23' 12"	105° 27' 39"					F-48-67-B-b
thôn Minh Khai	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 44"	105° 27' 09"					F-48-67-B-b
thôn Nghĩa An	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 42"	105° 28' 06"					F-48-67-B-b
thôn Thi Đua	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 23' 07"	105° 27' 25"					F-48-67-B-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 51"	105° 27' 58"					F-48-67-B-b
thôn Vườn Tràng	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 23' 30"	105° 27' 15"					F-48-67-B-b
thôn Xuân Phong	DC	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch	21° 22' 37"	105° 27' 35"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305	KX	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-67-B-b F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Xuân Lôi	H. Lập Thạch			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-b F-48-67-B-d
thôn Đông Xuân	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 22' 11"	105° 27' 47"					F-48-67-B-d
thôn Đức Lễ	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 22' 05"	105° 27' 09"					F-48-67-B-d
thôn Làng Cả	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 16"	105° 27' 25"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Câu	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 20' 58"	105° 27' 31"					F-48-67-B-d
thôn Làng Nam	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 20' 57"	105° 27' 03"					F-48-67-B-d
thôn Lan Hùng	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 26"	105° 26' 46"					F-48-67-B-d
thôn Mỹ Ân	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 22' 10"	105° 27' 22"					F-48-67-B-d
thôn Nam Đông	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 20' 44"	105° 27' 08"					F-48-67-B-d
thôn Nhật Tân	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 06"	105° 26' 45"					F-48-67-B-d
thôn Nhật Tân Đông	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 09"	105° 27' 02"					F-48-67-B-d
thôn Sa Phùng	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 30"	105° 27' 56"					F-48-67-B-d
thôn Sa Sơn	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 46"	105° 27' 49"					F-48-67-B-d
thôn Tương Kế	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 57"	105° 27' 38"					F-48-67-B-d
thôn Xuân Lan	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 52"	105° 26' 49"					F-48-67-B-d
thôn Xuân Quang	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 40"	105° 27' 06"					F-48-67-B-d
thôn Xuân Quang Nam	DC	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 29"	105° 27' 12"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Văn Quán	H. Lập Thạch			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Văn Quán	H. Lập Thạch			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-d
Đình Ngõa	KX	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 58"	105° 27' 27"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Đa Mang	TV	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 59"	105° 27' 01"					F-48-67-B-d
hồ Đồng Bàm	TV	xã Văn Quán	H. Lập Thạch	21° 21' 14"	105° 26' 48"					F-48-67-B-d
tổ dân phố Bình Lạc	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 45"	105° 24' 20"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Bình Sơn	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 37"	105° 24' 00"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Bình Sơn Thượng	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 42"	105° 23' 48"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Lạc Kiều	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 10"	105° 24' 37"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Sơn Cầu	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 12"	105° 23' 55"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Sơn Cầu Nam	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 00"	105° 24' 21"					F-48-67-B-b
tổ dân phố Then	DC	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 10"	105° 24' 14"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307B	KX	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô			21° 25' 39"	105° 25' 05"	21° 23' 56"	105° 23' 43"	F-48-67-B-b
tháp Bình Sơn	KX	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 13"	105° 24' 18"					F-48-67-B-b
tuyến đò Then	KX	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô	21° 24' 57"	105° 23' 45"					F-48-67-B-b
Sông Lô	TV	TT. Tam Sơn	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-b F-48-67-B-d
thôn Anh Dũng	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 33"	105° 20' 08"					F-48-67-B-a
thôn Hồng Đường	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 30' 15"	105° 19' 33"					C-48-55-D-c
thôn Hồng Sen	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 59"	105° 19' 40"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hùng Mạnh	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 03"	105° 20' 05"					F-48-67-B-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 28' 28"	105° 20' 12"					F-48-67-B-a
thôn Xóm Làng	DC	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 43"	105° 19' 54"					F-48-67-B-a
Núi Thét	SV	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 41"	105° 20' 59"					F-48-67-B-a
hồ Đá Ngang	TV	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô	21° 29' 33"	105° 20' 18"					F-48-67-B-a
Sông Lô	TV	xã Bạch Lưu	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-a
thôn Cây Gạo	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 59"	105° 26' 01"					F-48-67-B-d
thôn Cây Si	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 43"	105° 26' 03"					F-48-67-B-d
Thôn Dùng	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 29"	105° 26' 40"					F-48-67-B-d
Thôn Giang	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 15"	105° 26' 48"					F-48-67-B-d
Thôn Giạn	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 21' 00"	105° 25' 46"					F-48-67-B-d
Thôn Mới	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 08"	105° 26' 27"					F-48-67-B-d
thôn Ngọc Bật	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 21' 12"	105° 26' 11"					F-48-67-B-d
thôn Nông Xanh	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 53"	105° 26' 34"					F-48-67-B-d
thôn Phan Dư	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 23"	105° 26' 24"					F-48-67-B-d
thôn Phan Lãng	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 19' 59"	105° 26' 29"					F-48-67-B-d
thôn Sơn Phục	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 21' 14"	105° 25' 56"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Suối	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 20' 23"	105° 26' 51"					F-48-67-B-d
thôn Tổ Gà	DC	xã Cao Phong	H. Sông Lô	21° 21' 06"	105° 26' 21"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Cao Phong	H. Sông Lô			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-b
Sông Lô	TV	xã Cao Phong	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 17"	105° 23' 57"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Mùi	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 15"	105° 24' 41"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Văn	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 19"	105° 24' 08"					F-48-67-B-b
thôn Quế Nham	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 28"	105° 24' 38"					F-48-67-B-b
thôn Quế Trạo A	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 03"	105° 24' 22"					F-48-67-B-b
thôn Quế Trạo B	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 17"	105° 24' 26"					F-48-67-B-b
thôn Thanh Tú	DC	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 02"	105° 24' 53"					F-48-67-B-b
cầu Đồng Mặn	KX	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 26' 55"	105° 24' 20"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Đồng Quế	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
Thiền viện Trúc lâm Tuệ Đức	KX	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 22"	105° 25' 15"					F-48-67-B-b
đồi Chùa Mụ	SV	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 19"	105° 25' 27"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hình Nhân	SV	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 27"	105° 25' 25"					F-48-67-B-b
núi Sáng Sơn	SV	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 28' 30"	105° 25' 45"					F-48-67-B-b
hồ Bò Lạc	TV	xã Đồng Quế	H. Sông Lô	21° 27' 22"	105° 24' 52"					F-48-67-B-b
thôn Bằng Phú	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 19"	105° 25' 44"					F-48-67-B-d
thôn Chiến Thắng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 04"	105° 26' 00"					F-48-67-B-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 15"	105° 26' 19"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 01"	105° 25' 04"					F-48-67-B-b
thôn Hiệp Lực	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 56"	105° 25' 30"					F-48-67-B-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 19"	105° 25' 56"					F-48-67-B-b
thôn Thắng Lợi	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 28"	105° 26' 41"					F-48-67-B-b
thôn Thiều Xuân	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 32"	105° 26' 28"					F-48-67-B-b
thôn Thượng Yên	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 04"	105° 26' 05"					F-48-67-B-d
thôn Tiến Bộ	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 34"	105° 26' 38"					F-48-67-B-b
thôn Vạn Thắng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 37"	105° 25' 05"					F-48-67-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 14"	105° 25' 21"					F-48-67-B-d
thôn Yên Phú	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 21' 43"	105° 26' 08"					F-48-67-B-d
thôn Yên Thái	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 22"	105° 26' 12"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Tĩnh	DC	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 23' 14"	105° 25' 41"					F-48-67-B-b
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 306	KX	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Sông Lô I	KX	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 36"	105° 24' 45"					F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Sông Lô II	KX	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 22' 15"	105° 24' 49"					F-48-67-B-d
Đồi Cao	SV	xã Đồng Thịnh	H. Sông Lô	21° 21' 37"	105° 25' 54"					F-48-67-B-d
thôn Dân Chủ	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 57"	105° 21' 40"					F-48-67-B-a
thôn Đôn Mục	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 31"	105° 21' 17"					F-48-67-B-a
thôn Hòa Bình	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 08"	105° 21' 15"					F-48-67-B-a
thôn Tân Lập	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 50"	105° 20' 55"					F-48-67-B-a
thôn Trung Hòa	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 15"	105° 21' 08"					F-48-67-B-a
thôn Trung Kiên	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 19"	105° 21' 30"					F-48-67-B-a
Thôn Hạ	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 25' 18"	105° 20' 54"					F-48-67-B-a
Thôn Thượng	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 28"	105° 20' 45"					F-48-67-B-a
Thôn Trung	DC	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô	21° 26' 06"	105° 20' 43"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Lô	TV	xã Đôn Nhân	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-a
thôn Dương Thọ	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 38"	105° 23' 51"					F-48-67-B-d
thôn Giáp Hạ	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 23"	105° 24' 49"					F-48-67-B-d
thôn Giáp Thượng	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 54"	105° 24' 36"					F-48-67-B-d
thôn Giáp Trung	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 36"	105° 24' 51"					F-48-67-B-d
thôn Khoái Thượng	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 20' 47"	105° 24' 47"					F-48-67-B-d
thôn Khoái Trung	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 20' 35"	105° 25' 09"					F-48-67-B-d
thôn Nam Giáp	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 01"	105° 24' 38"					F-48-67-B-d
thôn Thọ Cương	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 14"	105° 25' 23"					F-48-67-B-d
thôn Thọ Lão	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 39"	105° 25' 06"					F-48-67-B-d
thôn Thượng Đức	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 13"	105° 24' 14"					F-48-67-B-d
thôn Thượng Trưng	DC	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 19"	105° 24' 05"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Đức Bác	H. Sông Lô			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 306	KX	xã Đức Bác	H. Sông Lô			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Sông Lô I	KX	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 22' 36"	105° 24' 45"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Sông Lô II	KX	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 22' 15"	105° 24' 49"					F-48-67-B-d
tuyến phà Đức Bác	KX	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 20' 47"	105° 24' 25"					F-48-67-B-d
hồ Vực Xanh	TV	xã Đức Bác	H. Sông Lô	21° 21' 49"	105° 24' 30"					F-48-67-B-d
Sông Lô	TV	xã Đức Bác	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-b
thôn Dân Chủ	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 37"	105° 20' 23"					F-48-67-B-a
thôn Dốc Đỏ	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 46"	105° 20' 49"					F-48-67-B-a
thôn Dừa Cả	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 29' 13"	105° 21' 10"					F-48-67-B-a
thôn Dừa Lẽ	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 49"	105° 20' 40"					F-48-67-B-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 32"	105° 20' 25"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Chăm	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 26"	105° 21' 06"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Chổ	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 53"	105° 21' 54"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Soi	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 18"	105° 20' 14"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Vằm	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 37"	105° 21' 51"					F-48-67-B-a
thôn Giếng Trẹo	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 59"	105° 21' 28"					F-48-67-B-a
thôn Gò Dài	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 09"	105° 21' 37"					F-48-67-B-a
thôn Gò Dùng	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 54"	105° 20' 21"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Bình	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 30"	105° 20' 32"					F-48-67-B-a
thôn Khu Sơn	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 35"	105° 20' 50"					F-48-67-B-a
thôn Làng Len	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 05"	105° 21' 22"					F-48-67-B-a
thôn Lòng Thuyền	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 47"	105° 21' 01"					F-48-67-B-a
thôn Lũng Lợn	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 38"	105° 21' 35"					F-48-67-B-a
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 19"	105° 20' 28"					F-48-67-B-a
thôn Trung Kiên	DC	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 27' 23"	105° 20' 42"					F-48-67-B-a
núi Trằm Chuông	SV	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 29' 04"	105° 21' 38"					F-48-67-B-a
Núi Thét	SV	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 29' 41"	105° 20' 59"					F-48-67-B-a
Hồ Khuân	TV	xã Hải Lựu	H. Sông Lô	21° 28' 09"	105° 20' 45"					F-48-67-B-a
Sông Lô	TV	xã Hải Lựu	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-a
thôn Đoàn Kết	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 25"	105° 22' 31"					F-48-67-B-b
thôn Hoành Sơn	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 36"	105° 22' 57"					F-48-67-B-b
thôn Lãng Sơn	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 10"	105° 22' 43"					F-48-67-B-b
thôn Minh Tân	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 03"	105° 22' 38"					F-48-67-B-b
thôn Phú Cường	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 18"	105° 22' 24"					F-48-67-B-a
thôn Tam Đa	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 29' 06"	105° 22' 43"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thành Công	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 29' 24"	105° 23' 24"					F-48-67-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 27' 52"	105° 22' 34"					F-48-67-B-b
thôn Trường Xuân	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 29' 09"	105° 22' 21"					F-48-67-B-a
thôn Yên Sơn	DC	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 17"	105° 23' 17"					F-48-67-B-b
cầu Đồng Bòng 1	KX	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 00"	105° 23' 10"					F-48-67-B-b
cầu Đồng Bòng 2	KX	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 28' 07"	105° 23' 02"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Lãng Công	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-a F-48-67-B-b
Núi Sáng	SV	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 29' 22"	105° 25' 02"					F-48-67-B-b
hồ Suối Sải	TV	xã Lãng Công	H. Sông Lô	21° 29' 30"	105° 23' 43"					F-48-67-B-b
Ngòi Cả	TV	xã Lãng Công	H. Sông Lô			21° 29' 27"	105° 23' 32"	21° 27' 46"	105° 23' 03"	F-48-67-B-b
thôn Cửa Ngòi	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 56"	105° 25' 20"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Đạo	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 34"	105° 24' 37"					F-48-67-B-b
thôn Hoa Cao	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 38"	105° 25' 15"					F-48-67-B-b
thôn Làng Giềng	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 54"	105° 24' 36"					F-48-67-B-b
thôn Lũng Gì	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 21"	105° 24' 59"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Đèn	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 52"	105° 24' 56"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 26' 07"	105° 25' 00"					F-48-67-B-b
Cầu Nếp	KX	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô	21° 25' 43"	105° 24' 57"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307B	KX	xã Nhạo Sơn	H. Sông Lô			21° 25' 39"	105° 25' 05"	21° 23' 56"	105° 23' 43"	F-48-67-B-b
thôn Đại Nghĩa	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 15"	105° 22' 14"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 12"	105° 21' 04"					F-48-67-B-a
thôn Hồng Sinh	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 18"	105° 22' 51"					F-48-67-B-b
thôn Lê Lợi	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 36"	105° 22' 20"					F-48-67-B-a
thôn Lê Xoay	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 36"	105° 21' 58"					F-48-67-B-a
thôn Liên Kết	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 42"	105° 21' 26"					F-48-67-B-a
thôn Minh Tân	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 32"	105° 21' 45"					F-48-67-B-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 17"	105° 21' 37"					F-48-67-B-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 48"	105° 22' 10"					F-48-67-B-a
thôn Trần Phú	DC	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 38"	105° 22' 49"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-a
Núi Nhang	SV	xã Nhân Đạo	H. Sông Lô	21° 27' 21"	105° 23' 23"					F-48-67-B-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 23' 56"	105° 24' 24"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Tâm	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 18"	105° 25' 05"					F-48-67-B-b
thôn Liên Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 30"	105° 25' 27"					F-48-67-B-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 23"	105° 24' 56"					F-48-67-B-b
thôn Như Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 11"	105° 23' 57"					F-48-67-B-b
thôn Tân Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 19"	105° 24' 18"					F-48-67-B-b
thôn Thuỵ Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 13"	105° 25' 13"					F-48-67-B-b
thôn Trung Sơn	DC	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô	21° 24' 34"	105° 24' 48"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307B	KX	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô			21° 25' 39"	105° 25' 05"	21° 23' 56"	105° 23' 43"	F-48-67-B-b
ngòi Cầu Đồng	TV	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô			21° 24' 44"	105° 24' 32"	21° 24' 53"	105° 26' 16"	F-48-67-B-b
Ngòi Đọ	TV	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô			21° 24' 18"	105° 24' 29"	21° 23' 59"	105° 23' 45"	F-48-67-B-b
Sông Lô	TV	xã Như Thuỵ	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-b F-48-67-B-d
thôn Chiến Thắng	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 26"	105° 23' 32"					F-48-67-B-b
thôn Dân Chủ	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 11"	105° 23' 31"					F-48-67-B-b
thôn Đại Minh	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 25"	105° 23' 12"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 37"	105° 23' 50"					F-48-67-B-b
thôn Khoan Bộ	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 22"	105° 22' 20"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngạc Tân	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 10"	105° 22' 44"					F-48-67-B-b
thôn Ngạc Thị	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 25' 53"	105° 23' 28"					F-48-67-B-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 24"	105° 23' 51"					F-48-67-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 51"	105° 23' 08"					F-48-67-B-b
thôn Tiến Bộ	DC	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 26' 38"	105° 22' 10"					F-48-67-B-a
Đường tỉnh 307	KX	xã Phương Khoan	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
Núi Nhang	SV	xã Phương Khoan	H. Sông Lô	21° 27' 21"	105° 23' 23"					F-48-67-B-b
Sông Lô	TV	xã Phương Khoan	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-a F-48-67-B-b
thôn Đá Bụt	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 31' 05"	105° 20' 50"					C-48-55-D-c
thôn Đá Đen	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 19"	105° 21' 56"					C-48-55-D-c
thôn Đá Đứng	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 37"	105° 20' 31"					C-48-55-D-c
thôn Đồng Chằm	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 51"	105° 21' 59"					C-48-55-D-c
thôn Đồng Chùa	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 29"	105° 22' 09"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Dạ	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 20"	105° 20' 37"					C-48-55-D-c
thôn Đồng Dong	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 44"	105° 22' 44"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Găng	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 31' 11"	105° 22' 11"					C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Nùng	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 37"	105° 21' 49"					F-48-67-B-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 31' 02"	105° 21' 22"					C-48-55-D-c
thôn Đức Thịnh	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 45"	105° 22' 12"					F-48-67-B-a
thôn Gò Chùa	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 08"	105° 21' 29"					C-48-55-D-c
thôn Làng Đồng	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 08"	105° 22' 04"					C-48-55-D-c
thôn Lý Nhân	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 34"	105° 22' 27"					F-48-67-B-a
thôn Quang Viễn	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 40"	105° 21' 33"					C-48-55-D-c
thôn Xóm Mới	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 31' 21"	105° 21' 55"					C-48-55-D-c
thôn Yên Thiết	DC	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 24"	105° 21' 22"					C-48-55-D-c
Đường tỉnh 307	KX	xã Quang Yên	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	C-48-55-D-c F-48-67-B-a
núi Bù Thần	SV	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 30' 48"	105° 23' 13"					C-48-55-D-d
Núi Thét	SV	xã Quang Yên	H. Sông Lô	21° 29' 41"	105° 20' 59"					F-48-67-B-a
thôn Cẩm Bình	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 31"	105° 25' 58"					F-48-67-B-b
thôn Cẩm Bình Kha	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 38"	105° 25' 39"					F-48-67-B-b
thôn Cầu Gạo	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 26' 26"	105° 25' 32"					F-48-67-B-b
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 14"	105° 26' 46"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thuỵ Điền	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 10"	105° 25' 39"					F-48-67-B-b
thôn Vân Nhưng	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 32"	105° 26' 17"					F-48-67-B-b
Thôn Xy	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 24' 58"	105° 25' 58"					F-48-67-B-b
thôn Xy Thượng	DC	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 04"	105° 26' 10"					F-48-67-B-b
Cầu Nóng	KX	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 15"	105° 27' 02"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307	KX	xã Tân Lập	H. Sông Lô			21° 26' 37"	105° 31' 34"	21° 31' 10"	105° 21' 09"	F-48-67-B-b
đồi Chùa Mụ	SV	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 27' 19"	105° 25' 27"					F-48-67-B-b
Núi Bục	SV	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 25' 48"	105° 26' 33"					F-48-67-B-b
núi Hình Nhân	SV	xã Tân Lập	H. Sông Lô	21° 27' 27"	105° 25' 25"					F-48-67-B-b
kênh Vân Trục	TV	xã Tân Lập	H. Sông Lô			21° 26' 35"	105° 26' 26"	21° 23' 29"	105° 27' 15"	F-48-67-B-b
ngòi Cầu Đồng	TV	xã Tân Lập	H. Sông Lô			21° 24' 44"	105° 24' 32"	21° 24' 53"	105° 26' 16"	F-48-67-B-b
thôn Lương Thịnh	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 23' 10"	105° 24' 25"					F-48-67-B-b
thôn Phú Cường	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 23' 26"	105° 24' 05"					F-48-67-B-b
thôn Phú Hạ	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 17"	105° 23' 51"					F-48-67-B-d
thôn Phú Thịnh	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 33"	105° 23' 59"					F-48-67-B-b
thôn Phú Thượng	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 43"	105° 24' 08"					F-48-67-B-b
thôn Yên Kiều	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 53"	105° 23' 36"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Lập	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 53"	105° 23' 54"					F-48-67-B-b
thôn Yên Lương	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 23' 21"	105° 23' 59"					F-48-67-B-b
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 06"	105° 23' 36"					F-48-67-B-d
cầu Sông Lô	KX	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 05"	105° 23' 25"					F-48-67-B-d
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Tứ Yên	H. Sông Lô			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Sông Lô I	KX	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 36"	105° 24' 45"					F-48-67-B-b
Khu công nghiệp Sông Lô II	KX	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 15"	105° 24' 49"					F-48-67-B-d
tuyến đò Tứ Yên	KX	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 17"	105° 23' 26"					F-48-67-B-d
Đầm Miêng	TV	xã Tứ Yên	H. Sông Lô	21° 22' 40"	105° 23' 51"					F-48-67-B-b F-48-67-B-d
Sông Lô	TV	xã Tứ Yên	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-b F-48-67-B-d
thôn An Khang	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 33"	105° 24' 33"					F-48-67-B-b
thôn Đại Thắng	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 24' 17"	105° 26' 09"					F-48-67-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 57"	105° 26' 13"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Minh Khai	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 57"	105° 26' 42"					F-48-67-B-b
thôn Minh Tân	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 52"	105° 25' 57"					F-48-67-B-b
thôn Mỹ Ngọc	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 59"	105° 25' 19"					F-48-67-B-b
thôn Sông Lô	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 59"	105° 23' 51"					F-48-67-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 56"	105° 26' 22"					F-48-67-B-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 24' 09"	105° 25' 32"					F-48-67-B-b
thôn Trung Kiên	DC	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 24' 03"	105° 25' 23"					F-48-67-B-b
Đường tỉnh 306	KX	xã Yên Thạch	H. Sông Lô			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-67-B-b
Đường tỉnh 307B	KX	xã Yên Thạch	H. Sông Lô			21° 25' 39"	105° 25' 05"	21° 23' 56"	105° 23' 43"	F-48-67-B-b
Đền Bạch	KX	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 57"	105° 25' 43"					F-48-67-B-b
tuyến phà Then	KX	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 23' 53"	105° 23' 36"					F-48-67-B-b
đồi Suối Nước	SV	xã Yên Thạch	H. Sông Lô	21° 24' 34"	105° 26' 44"					F-48-67-B-b
kênh Vân Trục	TV	xã Yên Thạch	H. Sông Lô			21° 26' 35"	105° 26' 26"	21° 23' 29"	105° 27' 15"	F-48-67-B-b
Ngòi Đọ	TV	xã Yên Thạch	H. Sông Lô			21° 24' 18"	105° 24' 29"	21° 23' 59"	105° 23' 45"	F-48-67-B-b
Sông Lô	TV	xã Yên Thạch	H. Sông Lô			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-d
tổ dân phố Bảo Chúc	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 47"	105° 32' 31"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Bầu	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 15"	105° 32' 52"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Điền Lương	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 06"	105° 32' 16"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Đồi	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 22"	105° 32' 08"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Đông Cao	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 36"	105° 33' 06"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Giữa	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 25"	105° 32' 46"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Liên Bình	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 18"	105° 31' 55"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Mới	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 18"	105° 33' 07"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Phố Me	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 54"	105° 32' 21"					F-48-68-A-a
tổ dân phố Tiên Rằm	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 19"	105° 32' 48"					F-48-68-A-c
tổ dân phố Vinh Phú	DC	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 43"	105° 31' 49"					F-48-68-A-a
Cầu Đồi	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 57"	105° 31' 42"					F-48-68-A-a
đền Bạch Trì	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 21' 55"	105° 32' 20"					F-48-68-A-c
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
trại gà Tam Dương	KX	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 41"	105° 32' 48"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh chính Tả Ngạn	TV	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	TT. Hợp Hòa	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
thôn Đô Lương	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 45"	105° 31' 13"					F-48-68-A-a
thôn Hương Đình	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 31"	105° 31' 12"					F-48-68-A-a
thôn Ngọc Thạch 1	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 13"	105° 31' 42"					F-48-68-A-c
thôn Ngọc Thạch 2	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 22' 05"	105° 31' 38"					F-48-68-A-c
thôn Nội Điện	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 53"	105° 31' 28"					F-48-68-A-a
thôn Phương Lâu	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 21' 41"	105° 31' 38"					F-48-68-A-c
thôn Yên Thượng	DC	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 25"	105° 31' 18"					F-48-68-A-a
Cầu Đồi	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 57"	105° 31' 42"					F-48-68-A-a
cầu Làng Đồi	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 24' 07"	105° 31' 36"					F-48-68-A-a
cầu Yên Thượng	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương	21° 23' 22"	105° 31' 22"					F-48-68-A-a
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 306	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	C-48-68-A-a C-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 309	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
sông Phó Đáy	TV	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã An Hòa	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Thôn Chùa	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 19' 39"	105° 32' 46"					F-48-68-A-c
Thôn Cuối	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 17"	105° 32' 30"					F-48-68-A-c
thôn Diên Lâm	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 59"	105° 32' 14"					F-48-68-A-c
Thôn Đông	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 19' 23"	105° 33' 03"					F-48-68-A-c
Thôn Giữa	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 19' 20"	105° 32' 49"					F-48-68-A-c
Thôn Hạ	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 02"	105° 32' 36"					F-48-68-A-c
thôn Mai Nham	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 19' 35"	105° 32' 28"					F-48-68-A-c
Thôn Thượng	DC	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 31"	105° 33' 05"					F-48-68-A-c
đình Phú Vinh	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 19' 22"	105° 32' 41"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Thứa Thượng	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 22"	105° 32' 48"					F-48-68-A-c
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 17' 12"	105° 32' 16"	21° 21' 34"	105° 33' 09"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 306	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-68-A-c
Nhà máy chế biến rau quả Đạo Tú	KX	xã Duy Phiên	H. Tam Dương	21° 20' 34"	105° 33' 16"					F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
Kênh 2	TV	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Duy Phiên	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
thôn Cẩm Trạch	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 27"	105° 33' 40"					F-48-68-A-c
Thôn Cõi	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 22' 02"	105° 33' 33"					F-48-68-A-c
Thôn Dội	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 06"	105° 33' 23"					F-48-68-A-c
thôn Đoàn Kết 1	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 46"	105° 34' 06"					F-48-68-A-c
thôn Đoàn Kết 2	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 25"	105° 34' 38"					F-48-68-A-c
Thôn Giềng	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 35"	105° 32' 56"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Guột	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 00"	105° 33' 39"					F-48-68-A-c
thôn Hủng 1	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 20' 50"	105° 33' 26"					F-48-68-A-c
thôn Hủng 2	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 00"	105° 33' 21"					F-48-68-A-c
thôn Khu Phố	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 15"	105° 33' 29"					F-48-68-A-c
thôn Long Sơn	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 27"	105° 32' 40"					F-48-68-A-c
Thôn Lẻ	DC	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 44"	105° 33' 07"					F-48-68-A-c
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	KX	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 17' 12"	105° 32' 16"	21° 21' 34"	105° 33' 09"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 310	KX	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-c
Nhà máy bê tông Đạo Tú	KX	xã Đạo Tú	H. Tam Dương	21° 21' 18"	105° 33' 19"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c
kênh Bến Tre	TV	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 18' 16"	105° 34' 44"	21° 21' 47"	105° 32' 09"	F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Đạo Tú	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
thôn Chiến Thắng	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 24' 56"	105° 31' 49"					F-48-68-A-a
thôn Cổ Tích	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 06"	105° 32' 19"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Trung	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 54"	105° 31' 45"					F-48-68-A-a
thôn Hòa Thịnh	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 24' 50"	105° 32' 04"					F-48-68-A-a
thôn Hợp Hòa	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 24' 57"	105° 32' 06"					F-48-68-A-a
thôn Lê Lợi	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 35"	105° 31' 42"					F-48-68-A-a
thôn Lỉnh Dầu	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 26' 34"	105° 32' 20"					F-48-68-A-a
thôn Long Hồ	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 28"	105° 32' 12"					F-48-68-A-a
thôn Nam Thịnh	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 42"	105° 31' 32"					F-48-68-A-a
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 12"	105° 31' 56"					F-48-68-A-a
thôn Quang Trung	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 26' 00"	105° 31' 58"					F-48-68-A-a
thôn Tiên Phong	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 24' 43"	105° 32' 20"					F-48-68-A-a
thôn Tràng Dầu	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 26' 11"	105° 32' 21"					F-48-68-A-a
thôn Tự Do	DC	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 04"	105° 31' 56"					F-48-68-A-a
Cầu Diện	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 25' 36"	105° 31' 37"					F-48-68-A-a
cầu Đồng Tĩnh	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 26' 12"	105° 31' 42"					F-48-68-A-a
cầu Liễn Sơn	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương	21° 26' 32"	105° 31' 54"					F-48-68-A-a
đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 22' 45"	105° 36' 28"	21° 26' 13"	105° 31' 40"	F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 309C	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 24' 12"	105° 33' 51"	21° 25' 35"	105° 31' 32"	F-48-68-A-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-a
Sông Phan	TV	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
suối Đình Cả	TV	xã Đồng Tĩnh	H. Tam Dương			21° 28' 12"	105° 38' 15"	21° 26' 44"	105° 31' 57"	C-48-68-A-a
thôn Bắc 1	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 32"	105° 31' 13"					F-48-68-A-c
thôn Bắc 2	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 25"	105° 31' 10"					F-48-68-A-c
Thôn Cầu	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 37"	105° 31' 13"					F-48-68-A-c
Thôn Chằm	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 50"	105° 30' 55"					F-48-68-A-c
Thôn Chấu	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 41"	105° 30' 51"					F-48-68-A-c
Thôn Đoài	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 12"	105° 31' 08"					F-48-68-A-c
Thôn Đông	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 51"	105° 31' 31"					F-48-68-A-c
Thôn Đỗ	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 11"	105° 31' 14"					F-48-68-A-c
Thôn Hóc	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 57"	105° 30' 51"					F-48-68-A-c
Thôn Lồ	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 44"	105° 31' 03"					F-48-68-A-c
Thôn Mới	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 05"	105° 31' 09"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Ngòi	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 21' 10"	105° 31' 03"					F-48-68-A-c
Thôn Vàng	DC	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 15"	105° 30' 11"					F-48-68-A-c
cầu Bến Gạo	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 55"	105° 30' 16"					F-48-68-A-c
Cầu Vàng	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 03"	105° 30' 22"					F-48-68-A-c
chùa Hoàng Vân	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 60"	105° 30' 39"					F-48-68-A-c
đình Đan Trì	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương	21° 20' 49"	105° 30' 52"					F-48-68-A-c
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
sông Phó Đáy	TV	xã Hoàng Đan	H. Tam Dương			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-c
thôn 1 Đồng Láng	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 45"	105° 32' 21"					F-48-68-A-a
thôn 2 Đồng Láng	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 40"	105° 32' 46"					F-48-68-A-a
thôn 3 Tuần Lũng	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 21"	105° 33' 07"					F-48-68-A-a
thôn 4 Tuần Lũng	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 15"	105° 33' 22"					F-48-68-A-a
thôn 5 Đồng Khâu	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 35"	105° 33' 48"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 6 Vẽ	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 44"	105° 33' 31"					F-48-68-A-a
thôn 7 Thống Nhất	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 25' 49"	105° 33' 08"					F-48-68-A-a
thôn 11 Tiên Lộng Trong	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 24' 28"	105° 33' 32"					F-48-68-A-a
thôn 12 Tiên Lộng Ngoài	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 24' 28"	105° 33' 45"					F-48-68-A-a
thôn Lũng Hữu 8	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 24' 33"	105° 32' 54"					F-48-68-A-a
thôn Lũng Hữu 9	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 24' 18"	105° 33' 02"					F-48-68-A-a
thôn Lũng Hữu 10	DC	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương	21° 24' 20"	105° 33' 34"					F-48-68-A-a
đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh	KX	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương			21° 22' 45"	105° 36' 28"	21° 26' 13"	105° 31' 40"	F-48-68-A-a
Đường tỉnh 309	KX	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-a
Đường tỉnh 309C	KX	xã Hoàng Hoa	H. Tam Dương			21° 24' 12"	105° 33' 51"	21° 25' 35"	105° 31' 32"	F-48-68-A-a

(Xem tiếp Công báo số 667 + 668)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng